



TỔNG CÔNG TY LẬP MÁY VIỆT NAM- CTCP  
CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 45.3

Địa chỉ: Lô 4K - Đường Tôn Đức Thắng - Thành phố Quảng Ngãi - Quảng Ngãi  
Tel: 0255.3710322 - Fax: 0255.3710313 - Email: info@Lilama45-3.com



**CHƯƠNG TRÌNH HỌP ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023**  
Ngày 25 tháng 04 năm 2023

| THỜI GIAN      | NỘI DUNG  | GHI CHÚ |
|----------------|---|---------|
| 08h00 - 08h30  | - Đăng ký cổ đông dự họp, đón tiếp khách mời, phát tài liệu   |         |
|                | - Tuyên bố lý do, giới thiệu thành phần tham dự Đại hội   |         |
|                | - Báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội  |         |
|                | - Giới thiệu và thông qua ban chủ tọa Đại hội, ban Thư ký và Ban kiểm phiếu   |         |
|                | - Biểu quyết thông qua Bầu Đoàn chủ tịch, ban Thư ký và Ban kiểm phiếu  |         |
| 08h30-08h45'   | Mời đoàn chủ tịch điều hành đại hội   |         |
|                | - Thông qua chương trình Đại hội  |         |
|                | - Thông qua quy chế làm việc tại Đại hội  |         |
|                | - Thông qua thể lệ biểu quyết tại Đại hội   |         |
| 08h45-09h00'   | - Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2022; Báo cáo của HĐQT về kết quả hoạt động SXKD & ĐTPT năm 2022, kế hoạch SXKD & ĐTPT năm 2023.   |         |
| 09h00-09h10'   | - Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả SXKD năm 2022 và kế hoạch của Ban kiểm soát năm 2023.  |         |
| 09h10-09h20'   | - Báo cáo tài chính năm 2022 (đã được kiểm toán).   |         |
| 9h20-09h25'    | - Tờ trình V/v lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính 06 tháng và cả năm 2023.   |         |
| 09h25-09h30'   | - Tờ trình chấp thuận cho HĐQT lập phương án vay vốn ngắn hạn, trung và dài hạn năm 2023, ủy quyền cho Tổng giám đốc ký hợp đồng với các tổ chức tín dụng, ký hợp đồng cầm cố thế chấp, cầm cố tài sản thuộc quyền sở hữu của Công ty để vay vốn tại các tổ chức tín dụng năm 2023. |         |
| 09h30-09h35'   | - Tờ trình phê duyệt Tổng quỹ lương năm 2023  |         |
| 09h35-09h40'   | - Tờ trình phê duyệt thủ lao HĐQT, Ban kiểm soát năm 2023   |         |
| 9h40 -9h45'    | - Tờ trình thông qua Miễn nhiệm thành viên HĐQT, BKS Công ty  |         |
| 9h45 -10h00'   | - Đại hội thảo luận và biểu quyết các nội dung trên.  |         |
| 10h00 -10h15'  | - Bầu bổ sung TV HĐQT, bầu bổ sung thành viên BKS nhiệm kỳ 2021-2026  |         |
|                | - Thông qua NQ của HĐQT Tổng công ty V/v giới thiệu Nhân sự cho HĐQT, BKS Công ty CP Lilama 45.3  |         |
|                | - Thông qua Biên bản họp nhóm đề cử ứng viên tham gia HĐQT  |         |
|                | - Thông qua Quy chế Bầu cử, thể lệ bầu cử bổ sung thành viên HĐQT, BKS  |         |
| 10h15' -10h30' | - Đại hội nghỉ giải lao   |         |
| 10h30' -10h40' | - Thông qua kết quả biểu quyết các báo cáo và tờ trình;   |         |
|                | - Thông qua kết quả Bầu bổ sung thành viên HĐQT, TV BKS soát nhiệm kỳ 2021-2026;  |         |
| 10h40' -10h55' | - Lãnh đạo Công ty phát biểu.   |         |
| 10h55' -11h05' | - Thông qua biên bản, nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2023   |         |
| 11h05' -11h10' | Hội đồng quản trị mới ra mắt; Tặng quà cho Nguyên Chủ tịch HĐQT Công ty   |         |
| 11h10' -11h30' | - Bế mạc Đại hội  |         |

**BAN TỔ CHỨC ĐẠI HỘI**

**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023**



**CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 45.3**

**PHIẾU BIỂU QUYẾT**

Cổ đông: #N/A

Mã số cổ đông #N/A

Tổng số cổ phần sở hữu/ đại diện (\*): #N/A Cổ phần

Kính đề nghị Quý cổ đông cho ý kiến bằng cách đánh dấu (X) vào ô vuông tương ứng:

1. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị và Báo cáo kết quả hoạt động SXKD & Đầu tư năm 2022, phương hướng SXKD & Đầu tư năm 2023 của Công ty.  
Đồng ý  Không đồng ý  Không có ý kiến
2. Báo cáo của Ban kiểm soát về hoạt động SXKD năm 2022 của Công ty, Kế hoạch của Ban kiểm soát năm 2023.  
Đồng ý  Không đồng ý  Không có ý kiến
3. Báo cáo tài chính năm 2022 (Đã được kiểm toán).  
Đồng ý  Không đồng ý  Không có ý kiến
4. Tờ trình Lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính 06 tháng và cả năm 2023.  
Đồng ý  Không đồng ý  Không có ý kiến
5. Tờ trình Chấp thuận cho HĐQT lập phương án vay vốn ngắn hạn, trung và dài hạn năm 2023, ủy quyền cho Tổng giám đốc ký hợp đồng với các tổ chức tín dụng, ký hợp đồng cầm cố thế chấp, cầm cố tài sản thuộc quyền sở hữu của Công ty để vay vốn tại các tổ chức tín dụng năm 2023.  
Đồng ý  Không đồng ý  Không có ý kiến
6. Tờ trình phê duyệt thù lao HĐQT và Ban kiểm soát năm 2023.  
Đồng ý  Không đồng ý  Không có ý kiến
7. Tờ trình phê duyệt Tổng quỹ tiền lương năm 2023  
Đồng ý  Không đồng ý  Không có ý kiến
8. Thông qua tờ trình miễn nhiệm thành viên HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2021-2026 năm 2023  
Đồng ý  Không đồng ý  Không có ý kiến

Cổ đông/ Người nhận ủy quyền  
(Ký và ghi rõ họ tên)

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023  
CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 45.3



**PHIẾU BẦU CỬ**  
**BẦU BỔ SUNG THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT**  
**NHIỆM KỲ 2021-2026**

Cổ đông: #N/A

Mã số cổ đông: #N/A

Tổng số cổ phần sở hữu/ đại diện (\*): #N/A

Cổ phần

Tổng số phiếu bầu: (\*)

phiếu bầu

Kính đề nghị Quý cổ đông thực hiện bầu cử bằng cách lựa chọn ghi số lượng phiếu bầu với một ứng cử viên tại cột "Số phiếu bầu"

**Danh sách ứng cử viên thành viên Ban kiểm soát**

| STT | Họ và tên ứng cử viên | Số phiếu bầu |
|-----|-----------------------|--------------|
| 1   | Phạm Công Huy         |              |
|     | <b>Tổng cộng</b>      |              |

Lưu ý: Tổng số phiếu bầu cho ứng viên không được vượt quá tổng số phiếu bầu của cổ đông

**Cổ đông/ Người nhận ủy quyền**

(Ký và ghi rõ họ tên)

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 45.3



PHIẾU BẦU CỬ  
BẦU BỔ SỰNG THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Cổ đông: #N/A

Mã số cổ đông: #N/A

Tổng số cổ phần sở hữu/ đại diện (\*): #N/A Cổ phần

Tổng số phiếu bầu: (\*) phiếu bầu

Kính đề nghị Quý cổ đông thực hiện bầu cử bằng cách lựa chọn ghi số lượng phiếu bầu với một ứng cử viên tại cột "Số phiếu bầu"

Danh sách ứng cử viên thành viên Hội đồng quản trị

| STT | Họ và tên ứng cử viên | Số phiếu bầu |
|-----|-----------------------|--------------|
| 1   | Mạc Thanh Hải         |              |
| 2   | Lê Ánh Thành          |              |
|     | <b>Tổng cộng</b>      |              |

Lưu ý: Tổng số phiếu bầu cho ứng viên không được vượt quá tổng số phiếu bầu của cổ đông

Cổ đông/ Người nhận ủy quyền  
(Ký và ghi rõ họ tên)

Quảng Ngãi, ngày 25 tháng 04 năm 2023

## QUY CHẾ LÀM VIỆC TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023

### Căn cứ:

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14, ngày 17 tháng 06 năm 2020
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Lilama 45.3.

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Lilama 45.3 xây dựng Quy chế làm việc tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023.

### Điều 1: Những quy định chung

1. Quy chế làm việc của Đại hội cổ đông thường niên sử dụng cho việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 Công ty cổ phần Lilama 45.3.
2. Quy chế này quy định cụ thể quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia Đại hội, điều kiện, thể thức tiến hành Đại hội
3. Cổ đông và các bên tham gia có trách nhiệm thực hiện theo các quy định tại Quy chế này

### Điều 2: Chương trình Đại hội (Có chương trình kèm theo)

### Điều 3: Thời gian Đại hội:

Thời gian Đại hội: dự kiến ½ ngày, từ 8 giờ 30 phút đến khi kết thúc Đại hội.

### Điều 4: Quyền và nghĩa vụ của Đoàn chủ tịch

1. Đoàn chủ tịch gồm thành viên Hội đồng quản trị. Chủ tịch Hội đồng quản trị là Chủ tọa Đại hội.
2. Nhiệm vụ của Đoàn chủ tịch:
  - a, Chủ trì Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023.
  - b, Hướng dẫn các Đại biểu và Đại hội thảo luận.
  - c, Trình dự thảo, kết luận những vấn đề cần thiết để Đại hội đồng biểu quyết.
  - d, Trả lời theo yêu cầu của Đại biểu về những vấn đề nằm trong chương trình Đại hội đã được Đại hội thông qua và biểu quyết.
  - e, Làm việc theo nguyên tắc tập thể, tập trung, dân chủ, tiến hành Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ, có trật tự và phản ánh được mong muốn của đa số cổ đông đại diện cổ đông tham dự.
  - f, Giải quyết các vấn đề nảy sinh trong suốt quá trình diễn ra Đại hội.

## Điều 5: Quyền và nghĩa vụ của Thư ký

1. Thư ký do Đoàn chủ tịch giới thiệu, chịu trách nhiệm trước Đoàn chủ tịch và Đại hội đồng cổ đông về nhiệm vụ của mình.

Số lượng Thư ký là: 02 người

2. Nhiệm vụ của Thư ký:

a, Ghi chép đầy đủ, trung thực các nội dung, diễn biến của Đại hội, các ý kiến phát biểu tại Đại hội, các lưu ký của Đại hội, tổng kết của Chủ trì Đại hội.

b, Hỗ trợ Đoàn chủ tịch công bố dự thảo các văn kiện, kết luận, Nghị quyết của Đại hội và thông báo của Đoàn chủ tịch gửi đến các cổ đông khi được yêu cầu.

c, Tiếp nhận phiếu đăng ký phát biểu của các cổ đông.

## Điều 6: Quyền nghĩa vụ của Ban kiểm tra tư cách

Ban kiểm tra tư cách cổ đông dự Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị đề cử và thông qua Đại hội. Ban kiểm tra tư cách cổ đông dự Đại hội nhận giấy tờ cổ đông đến họp; phát các tài liệu và phiếu biểu quyết; báo cáo trước đại hội về kết quả kiểm tra tư cách cổ đông dự Đại hội.

## Điều 7: Quyền và nghĩa vụ của các cổ đông/ người đại diện cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông.

1. Điều kiện tham dự: Cổ đông là đại diện pháp nhân, thể nhân hoặc đại diện cổ đông, một nhóm cổ đông sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty vào ngày chốt danh sách (ngày 17/03/2023) được quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên.

2. Quyền và nghĩa vụ của các cổ đông/ đại diện cổ đông đủ điều kiện khi tham dự Đại hội

a, Mỗi cổ đông, đại diện cổ đông khi tới tham dự Đại hội cổ đông phải mang theo giấy tờ tùy thân (CMND, CCCD/Hộ chiếu..) và Thư mời tham dự nộp cho Ban kiểm tra tư cách cổ đông để kiểm tra tư cách cổ đông và được nhận thẻ biểu quyết có ghi họ và tên, số đăng ký kinh doanh (CMND, CCCD/Hộ chiếu) tổng cổ phần bằng số lượng cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông.

b, Người được ủy quyền tham dự Đại hội không được ủy quyền lại cho người khác tham dự đại hội.

c, Trong quá trình diễn ra đại hội, cổ đông khi ra ngoài hội trường phải xin phép và được sự đồng ý của Đoàn Chủ tịch, thông báo cho Ban thư ký.

d, Trong thời gian diễn ra Đại hội cổ đông, các cổ đông phải tuân thủ theo sự hướng dẫn của Đoàn chủ tịch, ứng xử văn minh, lịch sự, không gây mất trật tự.

e, Các cổ đông phải giữ bí mật, kỷ luật phát ngôn, thực hiện đúng chế độ sử dụng và bảo quản tài liệu, không sao chép, ghi âm đưa cho người ngoài Đại hội khi chưa được Đoàn chủ tịch cho phép.

f, Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền tham dự Đại hội cổ đông phải chấp hành nghiêm chỉnh quy chế làm việc của Đại hội cổ đông. Cổ đông vi phạm quy chế này thì

tùy theo mức độ cụ thể Đoàn chủ tịch sẽ xem xét và có hình thức xử lý theo điểm b, khoản 7, điều 146, Luật doanh nghiệp.

g. Cổ đông đến Đại hội muộn có quyền đăng ký ngay, sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại Đại hội, nhưng Chủ tọa không có trách nhiệm dừng Đại hội để cho họ đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành sẽ không bị ảnh hưởng.

### **Điều 8: Tiến hành đại hội**

Cuộc họp đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết theo danh sách cổ đông chốt ngày 17/03/2023.

### **Điều 9: Phát biểu ý kiến trong Đại hội**

1. Đại biểu tham dự Đại hội muốn phát biểu hoặc chất vấn một vấn đề gì phải đăng ký với Đoàn chủ tịch (qua Thư ký đại hội), chỉ khi được Đoàn chủ tịch đại hội nhất trí mới phát biểu.

2. Ý kiến phát biểu, chất vấn không được quá 5 phút/01 lần, nội dung phải trọng tâm, sâu sắc phù hợp với Chương trình Đại hội, tránh dàn trải, tràn lan, nếu nội dung chất vấn mà trả lời chưa hài lòng, thỏa đáng thì Đại biểu được quyền tiếp tục chất vấn.

3. Việc bố trí phát biểu, chất vấn theo trình tự đăng ký hoặc theo nội dung thảo luận hoàn toàn do Đoàn chủ tịch Đại hội quyết định, Đại biểu tham dự Đại hội phải tuyệt đối chấp hành.

4. Những ý kiến bằng văn bản của đại biểu tham dự Đại hội gửi Đoàn chủ tịch (qua Thư ký đại hội) có giá trị như bài phát biểu trực tiếp tại Đại hội.

### **Điều 10: Thẻ lệ biểu quyết**

1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền biểu quyết. Các vấn đề trong chương trình Đại hội theo quy định của Điều lệ đã được ban hành yêu cầu phải biểu quyết, đều được thông qua bằng cách lấy ý kiến biểu quyết công khai bằng Thẻ biểu quyết của Đại biểu.

2. Các cổ đông, đại diện cho nhóm cổ đông có quyền tham dự Đại hội cổ đông đều có quyền biểu quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội cổ đông, quyền biểu quyết với số cổ phần sở hữu và số cổ phần được ủy quyền.

3. Đại biểu biểu quyết (đồng ý, không đồng ý, hoặc không có ý kiến) một vấn đề bằng cách giơ Thẻ biểu quyết, cho đến khi Ban kiểm phiếu thu hồi Thẻ biểu quyết, lúc đó việc biểu quyết của Đại biểu mới xong.

4. Chủ trì và điều hành Đại hội cũng có thể lựa chọn phương án biểu quyết mà chủ trì và điều hành Đại hội nhận thấy là tốt nhất, phù hợp nhất cho Đại biểu và cho Đại hội.

5. Các vấn đề biểu quyết trong Đại hội được thông qua khi:

a, Thông qua việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ, loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán, việc tổ chức hay giải thể doanh nghiệp, giao dịch mua, bán tài sản Công ty hoặc các chi nhánh thực hiện có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty tính theo Báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán được thông qua khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

b, Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.

c, Thông qua các vấn đề khác: đạt tỷ lệ trên 50% tổng số cổ phần biểu quyết của tất cả các cổ đông dự họp chấp thuận.

### **Điều 11: Biên bản Đại hội cổ đông**

Tất cả các nội dung tại đại hội cổ đông phải được Thư ký Đại hội ghi vào Biên bản Đại hội cổ đông, biên bản Đại hội phải được đọc và thông qua trước khi bế mạc Đại hội.

### **Điều 12: Trường hợp tổ chức Đại hội cổ đông không thành**

1. Trường hợp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại điều 8 của Quy chế này thì cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất.

2. Cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai chỉ được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên do Điều lệ Công ty cổ phần quy định.

3. Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không đủ số đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ 3 có thể được triệu tập trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần thứ hai. Trong trường hợp này, Đại hội đồng cổ đông được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các cổ đông dự họp, được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất.

### **Điều 13: Điều khoản thi hành**

Trên đây là Quy chế làm việc của Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty cổ phần Lilama 45.3 năm 2023, với 13 Điều. Quy chế này có hiệu lực ngay sau khi được Đại hội cổ đông Công ty biểu quyết thông qua.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty xem xét thông qua để việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông được thực hiện thành công tốt đẹp và tuân theo các quy định pháp luật của Nhà nước và Điều lệ của Công ty .





Quảng Ngãi, ngày 25 tháng 04 năm 2023

## QUY CHẾ BIỂU QUYẾT TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023

### Căn cứ:

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14, ngày 17 tháng 06 năm 2020

- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Lilama 45.3.

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Lilama 45.3 xây dựng Quy chế biểu quyết tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2023.

### Điều 1: Thẻ biểu quyết, phiếu biểu quyết.

1. Thẻ biểu quyết, phiếu biểu quyết do Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Lilama 45.3 phát hành.

2. Trên thẻ biểu quyết, phiếu biểu quyết có ghi họ tên, số cổ phần sở hữu, tương ứng với số lượng phiếu biểu quyết của cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông (Sau đây gọi chung là Đại biểu) và các nội dung biểu quyết trong đại hội.

3. Góc bên trái, trên cùng của Thẻ biểu quyết có dấu của Công ty cổ phần Lilama 45.3.

### Điều 2: Quyền sử dụng Thẻ biểu quyết, phiếu biểu quyết

1. Thẻ biểu quyết, phiếu biểu quyết có giá trị trong Đại hội là thẻ do Ban tổ chức Đại hội phát cho đại biểu đủ tư cách tham dự Đại hội.

2. Mỗi đại biểu tham dự Đại hội được phát một Thẻ biểu quyết và một phiếu biểu quyết.

3. Thẻ biểu quyết, phiếu biểu quyết của Đại biểu nào thì chỉ duy nhất đại biểu đó sử dụng.

### Điều 3: Cách sử dụng thẻ biểu quyết, phiếu biểu quyết,

1. Các vấn đề trong chương trình Đại hội theo quy định của Điều lệ Công ty đã được ban hành yêu cầu phải biểu quyết, đều được thông qua bằng cách lấy ý kiến biểu quyết công khai bằng Thẻ biểu quyết hoặc phiếu biểu quyết của Đại biểu tham dự Đại hội

2. Cách thức biểu quyết: Các nội dung biểu quyết trong chương trình Đại hội thực hiện theo quyết định của Chủ tọa với hình thức phù hợp với diễn biến phiên họp, cụ thể:

a, Biểu quyết bằng cách ghi trên **Phiếu biểu quyết**: Các nội dung chi tiết được ghi trên Phiếu biểu quyết, các cổ đông biểu quyết bằng cách đánh dấu vào ô tương ứng (đồng ý, không đồng ý, hoặc không có ý kiến) và ký ghi rõ họ tên của cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông.

b, Biểu quyết bằng cách giơ **Thẻ biểu quyết**: Một số vấn đề khác cổ đông thực hiện giơ Thẻ biểu quyết tại Đại hội theo yêu cầu của Chủ tọa để biểu quyết theo nội dung: Đồng ý; Không đồng ý hoặc không có ý kiến, cụ thể:

- Thông qua thành phần Đoàn chủ tịch, Ban thư ký, thông qua chương trình đại hội, Quy chế làm việc và Quy chế biểu quyết tại Đại hội;

- Thông qua Nghị quyết Đại hội;

- Và một số nội dung khác theo diễn biến thực tế.

3. Đại biểu không được biểu quyết trong các trường hợp sau đây:

a, Các hợp đồng quy định tại điều 14.2 của Điều lệ Công ty khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của Hợp đồng.

b, Việc mua cổ phần của cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó;

4. Chủ tọa của Đại hội hoặc Thư ký đại hội có thể tiến hành các hoạt động mà họ thấy cần thiết để điều khiển Đại hội cổ đông một cách hợp lệ và có trật tự; hoặc để Đại hội phản ánh được mong muốn của đa số Đại biểu tham dự.

#### **Điều 4: Cách tính kết quả biểu quyết**

1. Trừ trường hợp quy định tại Khoản 2, Khoản 3 điều này, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây sẽ được thông qua khi có trên 50% tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại Hội đồng cổ đông;

a, Thông qua báo cáo tài chính năm;

b, Kế hoạch phát triển ngắn và dài hạn của Công ty;

c, Miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và báo cáo việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng giám đốc điều hành.

2. Bầu Thành viên HĐQT và Ban kiểm soát phải thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật doanh nghiệp.

3. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ, loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán, việc tổ chức lại hay giải thể Doanh nghiệp, giao dịch mua, bán tài sản Công ty hoặc các chi nhánh thực hiện có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty tính theo Báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán được thông qua khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại Hội đồng cổ đông.

4. Các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.

5. Ban kiểm phiếu phải ghi nhận thông tin trong khi biểu quyết và lập biên bản kết quả biểu quyết sau khi biểu quyết xong. Nội dung biên bản bao gồm: Tổng số cổ đông tham dự họp, tổng số cổ đông tham gia biểu quyết, số và tỷ lệ phiếu hợp lệ, phiếu không hợp lệ, phiếu trống, số và tỷ lệ phiếu đồng ý/ không đồng ý/ không có ý kiến cho từng vấn đề đã biểu quyết.

6. Kết quả biểu quyết cần công bố tại Đại hội cổ đông hoặc theo yêu cầu của Chủ tọa cuộc họp. Biên bản kiểm phiếu được giao cho Thư ký Đại hội, các dữ liệu liên quan đến bầu cử trên máy vi tính phải và chỉ được mở khi có quyết định của cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

**Điều 5: Giám sát kiểm phiếu**

Việc phát thẻ biểu quyết, phiếu biểu quyết và kiểm tra kết quả kiểm phiếu có sự giám sát của một thành viên đại diện Ban kiểm soát Công ty cổ phần Lilama 45.3 và một thành viên là cổ đông tham dự Đại hội.

**Điều 6: Điều khoản thi hành**

Trên đây là Quy chế biểu quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty cổ phần Lilama 45.3 năm 2023, với 06 điều. Quy chế này có hiệu lực ngay sau khi được Đại hội cổ đông Công ty biểu quyết thông qua.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty xem xét thông qua đề việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông được thực hiện thành công tốt đẹp và tuân theo các quy định pháp luật của Nhà nước và Điều lệ của Công ty.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH  
CÔNG TY  
CỔ PHẦN  
LILAMA  
45.3  
M.S.D.N: 440013534  
T. QUẢNG NGÃI - T. QUẢNG NGÃI  
HOÀNG VIỆT

Quảng Ngãi, ngày 25 tháng 04 năm 2023

**BÁO CÁO**  
**HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BÁO CÁO**  
**KẾT QUẢ SXKD & ĐTPT NĂM 2022, KẾ HOẠCH SXKD & ĐTPT NĂM 2023**

Kính thưa: Đoàn Chủ tịch!  
Các vị khách quý!  
Các quý vị cổ đông!

Thực hiện Điều lệ và Nghị quyết Công ty đã được thông qua Đại hội đồng cổ đông ngày 26/04/2022 và Biên bản họp Hội đồng quản trị Công ty ngày 29/03/2023.

Hôm nay ngày 25/04/2023 Công ty Cổ phần Lilama 45.3 tiến hành Đại hội đồng cổ đông thường niên, nhằm tổng kết tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh & đầu tư phát triển năm 2022 để làm cơ sở và thông tin cần thiết cho các cổ đông có những quyết định, cũng như định hướng cho hoạt động SXKD đầu tư phát triển năm 2023.

Thay mặt Hội đồng quản trị, tôi xin báo cáo trước Đại hội những nội dung sau:

**PHẦN I: Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2022**

**L/ Kết quả thực hiện KHSXKD năm 2022:**

**1./ Tình hình thực hiện kế hoạch SXKD năm 2022:**

| TT  | Các chỉ tiêu chủ yếu    | ĐVT     | Kế hoạch năm 2022 | TH năm 2022 | Tỷ lệ %           |                        |
|-----|-------------------------|---------|-------------------|-------------|-------------------|------------------------|
|     |                         |         |                   |             | TH 2022 so với KH | TH 2022 so với TH 2021 |
| 1.  | Giá trị sản lượng       | Tr.đồng | 101.563           | 37.112      | 36,5              | 96,6                   |
| 2.  | Doanh thu               | Tr.đồng | 100.558           | 37.001      | 36,8              | 97,3                   |
| 3.  | Lợi nhuận trước thuế    | Tr.đồng | 220               | (8.905)     | (4047,9)          | 104,4                  |
| 4.  | Lợi nhuận sau thuế      | Tr.đồng | 220               | (8.905)     | (4047,9)          | 104,4                  |
| 5.  | Lỗ chuyển tiếp          | Tr.đồng | 0                 | (8.905)     |                   |                        |
| 6.  | Tỷ suất lợi nhuận / vốn | %       | 0,55              | (25,44)     |                   |                        |
| 7.  | Tỷ suất lợi nhuận / DT  | %       | 0,22              | (24,07)     |                   |                        |
| 8.  | Nộp ngân sách nhà nước  | Tr.đồng | 4.798             | 1.212       | 25,3              | 141,3                  |
| 9.  | Đầu tư, XD/CB           | Tr.đồng | 0                 | 0           |                   |                        |
| 10. | Tổng quỹ lương          | Tr.đồng | 29.162            | 5.797       | 19,9              | 64,4                   |
| 11. | Lao động bình quân      | Người   | 221               | 51          | 23,1              | 69,9                   |
| 12. | Thu nhập BQ/tháng       | 1.000đ  | 10.996            | 9.473       | 86,1              | 92,1                   |
| 13. | Chia cổ tức             | %       | 0                 |             |                   |                        |

Các chỉ tiêu SXKD năm 2022 không hoàn thành so với KH như: Doanh thu đạt 36,5% so với KH năm, Lợi nhuận trước thuế lỗ 8,9 tỷ đồng, nộp ngân sách 1,2 tỷ đồng đạt 24,9% so với kế hoạch, tổng quỹ lương đạt 19,9% so với KH, thu nhập bình quân đạt 86,1% so với KH.

2./ Công tác đầu tư phát triển năm 2022: Do tài chính khó khăn nên không lập kế hoạch đầu tư mua sắm máy móc thiết bị và trong năm cũng không phát sinh mua sắm tài sản ngoài kế hoạch.

### 3./ Các chỉ tiêu tài chính cơ bản:

#### 3.1. Bảng cân đối kế toán:

ĐVT:VN đồng

| NỘI DUNG                               | Số liệu tại<br>31/12/2022 | Số liệu tại<br>31/12/2021 | Tăng, giảm<br>(22-21)   |
|--|---------------------------|---------------------------|-------------------------|
| <b>I. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>             | <b>364.271.454.166</b>    | <b>373.431.243.723</b>    | <b>(9.159.789.557)</b>  |
| 1. Tiền và các khoản tương đương tiền  | 10.794.341.695            | 11.336.225.116            | (541.883.421)           |
| 2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn | -                         | -                         | -                       |
| 3. Phải thu ngắn hạn                   | 189.116.802.260           | 200.683.547.108           | (11.566.744.848)        |
| Trong đó : Nợ phải thu khách hàng      | 174.401.074.585           | 185.211.094.698           | (10.810.020.113)        |
| 4. Hàng tồn kho                        | 161.121.626.163           | 161.411.471.499           | (289.845.336)           |
| 5. Tài sản ngắn hạn khác               | 3.238.684.048             | -                         | 3.238.684.048           |
| <b>II. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>             | <b>15.760.995.342</b>     | <b>39.817.457.701</b>     | <b>(24,056,462,359)</b> |
| 1. Các khoản phải thu dài hạn          | -                         | -                         | -                       |
| 2. Tài sản cố định                     | 13.990.461.341            | 17.291.809.700            | (3,301,348,359)         |
| - Tài sản cố định hữu hình             | 13.990.461.341            | 17.291.809.700            | (3,301,348,359)         |
| + Nguyên Giá                           | 77.263.645.885            | 77.263.645.885            | -                       |
| + Giá trị hao mòn lũy kế               | (63.273.184.544)          | (59.971.836.185)          | (3,301,348,359)         |
| - Tài sản cố định vô hình              | -                         | -                         | -                       |
| + Nguyên Giá                           | 55.000.000                | 55.000.000                | -                       |
| + Giá trị hao mòn lũy kế               | (55.000.000)              | (55.000.000)              | -                       |
| 4. Tài sản dở dang dài hạn             | -                         | -                         | -                       |
| 5. Đầu tư tài chính dài hạn            | -                         | 20.698.000.000            | (20,698,000,000)        |
| 6. Tài sản dài hạn khác                | 1.770.534.001             | 1.827.648.001             | (57,114,000)            |
| <b>III. TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>          | <b>380.032.449.508</b>    | <b>413.248.701.424</b>    | <b>(33.216.251.916)</b> |
| <b>IV. NỢ PHẢI TRẢ</b>                 | <b>349.307.982.378</b>    | <b>373.618.820.527</b>    | <b>(24.310.838.149)</b> |
| 1. Nợ ngắn hạn                         | 349.307.982.378           | 373.618.820.527           | (24.310.838.149)        |
| 2. Nợ dài hạn                          | -                         | -                         | -                       |
| <b>V. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>               | <b>30.724.467.130</b>     | <b>39.629.880.897</b>     | <b>(8,905,413,767)</b>  |
| 1. Vốn chủ sở hữu                      | 30.724.467.130            | 39.629.880.897            | (8,905,413,767)         |
| - Vốn đầu tư của chủ sở hữu            | 35.000.000.000            | 35.000.000.000            | -                       |
| - Thặng dư vốn cổ phần                 | 4.277.672.000             | 4.277.672.000             | -                       |
| - Quỹ đầu tư phát triển                | -                         | 33.000.546.177            | (33,000,546,177)        |
| - Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu        | 352.208.897               | 2.087.212.068             | (1,735,003,171)         |

|                                |                        |                        |                         |
|--------------------------------|------------------------|------------------------|-------------------------|
| - Lợi nhuận chưa phân phối     | (8.905.413.767)        | (34.735.549.348)       | 25,830,135,581          |
| 2. Nguồn kinh phí và quỹ khác  | -                      | -                      | -                       |
| <b>VI. TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b> | <b>380.032.449.508</b> | <b>413.248.701.424</b> | <b>(33.216.251.916)</b> |

### 3.2. Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2022:

ĐVT: Đồng

| CHỈ TIÊU                         | TH năm 2022     | TH năm 2021     | Tăng, giảm<br>(22-21) |
|----------------------------------|-----------------|-----------------|-----------------------|
| 1. Doanh thu bán hàng & CCDV     | 37,001,906,141  | 38,044,820,050  | (1,042,913,909)       |
| 2. Giá vốn hàng bán              | 33,589,961,379  | 27,840,503,061  | 5,749,458,318         |
| 3. Lợi nhuận gộp về BH và c/c DV | 3,411,944,762   | 10,204,316,989  | (6,792,372,227)       |
| 4. Doanh thu hoạt động tài chính | 6,754,852,584   | 4,485,945       | 6,750,366,639         |
| 5. Chi phí tài chính             | 13,034,371,268  | 14,361,261,267  | (1,326,889,999)       |
| - Trong đó: Lãi vay phải trả     | 13,034,371,268  | 14,361,223,092  | (1,326,851,824)       |
| 6. Chi phí quản lý doanh nghiệp  | 5,942,986,463   | 5,507,384,387   | 435,602,076           |
| 7. Lợi nhuận thuần từ HĐSXKD     | (8,810,560,385) | (9,659,842,720) | 849,282,335           |
| 8. Thu nhập khác                 | -               | 1,127,088,970   | (1,127,088,970)       |
| 9. Chi phí khác                  | 94,853,382      | 323,374         | 94,530,008            |
| 10. Lợi nhuận khác               | (94,853,382)    | 1,126,765,596   | (1,221,618,978)       |
| 11. Tổng lợi nhuận trước thuế    | (8,905,413,767) | (8,533,077,124) | (372,336,643)         |
| 12. Chi phí thuế TNDN hiện hành  | -               | -               | -                     |
| 13. Lợi nhuận sau thuế TNDN      | (8,905,413,767) | (8,533,077,124) | (372,336,643)         |
| 14. Lãi cơ bản trên cổ phiếu     | (2.544)         | (2.438)         | (106)                 |

### 3.3. Các chỉ tiêu tài chính cơ bản:

| TT | Chỉ tiêu  | Đơn vị<br>tính | Năm 2022 | Năm 2021 |
|----|---|----------------|----------|----------|
| 1  | Cơ cấu tài sản                                    | %              |          |          |
|    | - Tài sản dài hạn/Tổng tài sản                    |                | 4,1      | 9,6      |
|    | - Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản                   |                | 96,0     | 90,4     |
| 2  | Cơ cấu nguồn vốn                                  | %              |          |          |
|    | - Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn                      |                | 91,9     | 90,4     |
|    | - Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn             |                | 8,1      | 9,6      |
|    | - Nợ phải trả/Nguồn vốn chủ sở hữu                | Lần            | 11,4     | 9,4      |
| 3  | Khả năng thanh toán                               | Lần            |          |          |
|    | - Khả năng thanh toán nhanh                       |                | 0,58     | 0,57     |
|    | - Khả năng thanh toán hiện hành                   |                | 1,04     | 1,01     |
| 4  | Tỷ suất lợi nhuận                                 | %              |          |          |
|    | - Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản         |                | (2,3)    | (2,1)    |
|    | - Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần      |                | (24,1)   | (22,4)   |
|    | - Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Nguồn vốn chủ sở hữu |                | (29,0)   | (21,5)   |
|    | - Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn điều lệ          |                | (25,4)   | (24,4)   |

#### 4./ Công tác thoái vốn đầu tư ra ngoài doanh nghiệp:

Tính đến ngày 31/12/2022, tình hình thực hiện thoái vốn như sau:

- Tổng giá trị đầu tư: 25.600.000.000 đồng ( 2.560.000 cổ phần)
- Cổ tức trả bằng cổ phiếu: 512.000CP mệnh giá 10.000đ/1CP: 512.000.000 đồng
- Đã chuyển nhượng lần 1: 5.000.000.000 đồng (500.000 CP)
- Đã chuyển nhượng lần 2: 27.445.600.000 đồng (2.112.200 CP)
- Giá trị còn lại: 0 đồng

Công ty đã hoàn tất việc thoái được vốn đầu tư tại Công ty cổ phần đầu tư Vĩnh Sơn theo đúng quy định của pháp luật.

#### 5./ Công tác tiếp thị đấu thầu:

Trong năm 2022 thị trường công việc rất khó khăn, Công ty không ký được hợp đồng mới, tiếp tục thi công các Hợp đồng chuyên tiếp: Sửa chữa, khôi phục đập, khắc phục bảo lũ NM thủy điện La Hiêng 2: 1,3 tỷ đồng và Thi công cống Phú Phong thuộc dự án đầu tư xây dựng hệ thống ngăn mặn Tiền Giang: 29,7 tỷ đồng.

#### 6./ Tình hình thực hiện các hợp đồng kinh tế:

DVT: Triệu đồng

| TT  | Tên công trình – Hạng mục   | Giá trị HĐ (chưa bao gồm VAT) | Đã TH lũy kế đến hết năm 2022 | Chuyên tiếp 2023 và năm tiếp theo |
|-----|---|-------------------------------|-------------------------------|-----------------------------------|
| 1.  | Sửa chữa khắc phục bảo lũ NM thủy điện La Hiêng 2   | 1.179                         | 197                           | 982                               |
| 2.  | Thi công cống Phú Phong   | 29.794                        | 27.551                        | 2.243                             |
| 3.  | <b>Dự án chống ngập tại TP Hồ Chí Minh</b>  | <b>799.375</b>                | <b>767.255</b>                | <b>32.398</b>                     |
| 3.1 | TB05A: Cung cấp và Lắp đặt thiết bị cơ khí thủy công hạng mục Cống nhỏ dưới đê.               | 12.395                        | 9.729                         | 3.249                             |
| 3.2 | TB05B: Cung cấp và Lắp đặt thiết bị cơ khí thủy công hạng mục Cống Cầu Kinh.                  | 5.694                         | 4.761                         | 933                               |
| 3.3 | TB05C: Cung cấp và Lắp đặt thiết bị cơ khí thủy công hạng mục Cống Bà Bướm.                   | 5.896                         | 4.761                         | 1.135                             |
| 3.4 | TB10: Cung cấp và Lắp đặt thiết bị cơ khí thủy công hạng mục Cống kiểm soát triều Bến Nghé    | 299.699                       | 291.589                       | 8.110                             |
| 3.5 | TB15: Cung cấp và Lắp đặt thiết bị cơ khí thủy công hạng mục Cống kiểm soát triều Tân Thuận   | 90.694                        | 82.334                        | 8.360                             |
| 3.6 | TB19: Cung cấp và Lắp đặt thiết bị cơ khí thủy công hạng mục Cống kiểm soát triều Phú Xuân    | 70.356                        | 70.635                        | -                                 |
| 3.7 | TB22: Cung cấp và Lắp đặt thiết bị cơ khí thủy công hạng mục Cống kiểm soát triều Mương Chuối | 189.977                       | 183.352                       | 6.625                             |
| 3.8 | TB26: Cung cấp và Lắp đặt thiết bị cơ khí thủy công hạng mục Cống kiểm soát triều Cây Khô     | 124.078                       | 120.094                       | 3.985                             |
|     | <b>Cộng</b>   | <b>830.348</b>                | <b>795.003</b>                | <b>35.623</b>                     |

## 7./ Công tác quản lý tài chính:

Đáp ứng vốn thi công: Trong năm 2022 Công ty đã xây dựng hạn mức tín dụng và bảo lãnh tại các tổ chức tín dụng như sau:

- + Ngân hàng ĐT&PT Quảng Ngãi: 681 tỷ đồng
- Hạn mức tín dụng các công trình: 50 tỷ đồng và hạn mức bảo lãnh: 80 tỷ đồng.
- Hạn mức tín dụng của 07 Hợp đồng kinh tế Dự án chống ngập tại Thành phố Hồ Chí Minh: 336 tỷ đồng và bảo lãnh: 215 tỷ đồng (*Hạn mức được chuyển tiếp từ năm 2017*)
- + Ngân hàng NN&PTNT Đà Nẵng: 60 tỷ đồng
- Hạn mức tín dụng: 40 tỷ đồng và hạn mức bảo lãnh: 20 tỷ đồng.

### + Những khó khăn và vướng mắc trong việc thu xếp vốn:

- Chi phí SXKD dở dang và nợ phải thu còn treo trên sổ sách của hai dự án Gang thép Thái Nguyên và Hangar A75 trên 100 tỷ đồng, nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 11,4 tỷ đồng không kết chuyển được doanh thu kéo dài trong nhiều năm dẫn đến việc đáo hạn các khoản nợ và trả lãi vay thường xuyên gặp khó khăn, Công ty không có dòng tiền để giảm dư nợ gốc vay (Ngân hàng Argibank Đà Nẵng và Tổng công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP) chi phí tài chính không giảm, kết quả SXKD năm 2022 tiếp tục bị lỗ.

- Hiện nay các tổ chức tín dụng hạn chế cho Công ty vay vốn, chỉ tập trung thu hồi các khoản nợ cũ, các tổ chức tín dụng đã thực hiện tái cơ cấu nợ gốc và lãi vay cho Công ty thêm một năm, thời điểm trả nợ cuối cùng chậm nhất đến tháng 05 năm 2023. Sang năm 2023 các công trình chuyển tiếp còn lại giá trị thấp, chưa có dự án mới sẽ ảnh hưởng rất lớn đến việc xây dựng hạn mức tín dụng cho năm tiếp theo, thẩm định cho vay sẽ rất khó khăn và kéo dài.

## 8./ Công tác quyết toán và thu hồi vốn:

### a, Công tác quyết toán:

+ *Quyết toán với Chủ đầu tư hoặc nhà thầu chính:* Đang thực hiện đối chiếu vật tư, quyết toán Nhà máy nhiệt điện Thái Bình 2, thủy điện Đăk'Hre. Đang chờ Chủ đầu tư ký quyết toán công trình điện gió Trung Nam giai đoạn 2, tiếp tục bám sát dự án gang thép Thái Nguyên để quyết toán dự án.

### b, Công tác thu hồi vốn công trình:

*ĐVT: Triệu đồng*

| TT | Nội dung                            | Kế hoạch      | Thu hồi vốn 2022 | TH so với KH (%) |
|----|-------------------------------------|---------------|------------------|------------------|
| 1. | Các CT đã thi công xong đã QT xong  | 24.038        | 16.525           | 23,2%            |
| 2. | CT đang tạm dừng thi công và chờ QT | 17.119        | 12.202           | 71,3%            |
| 3. | CT đang thi công                    | 56.812        | 11.150           | 20,1%            |
| 4. | Các khoản thu khác                  | 1.870         | 28.375           | 1517,4%          |
|    | <b>Tổng cộng</b>                    | <b>98.841</b> | <b>68.253</b>    | <b>72,2%</b>     |



+ Tổng giá trị thu hồi vốn và thu khác trong năm 2022: 68,2 tỷ đồng, đạt 31,8% so với công nợ phải thu trên sổ sách, đạt 72,2 % so với kế hoạch năm, do một số công nợ tồn đọng giá trị lớn như: Gang thép Thái Nguyên: 34,5 tỷ đồng, Công ty Đức Long Gia Lai: 31,4 tỷ đồng và một số công trình khác đang chiếm tỷ trọng lớn trên tổng nợ phải thu khách hàng, Công ty đã thoái được vốn đầu tư ra ngoài doanh nghiệp và thu về số tiền 27,4 tỷ từ cổ phần góp vốn tại Công ty cổ phần đầu tư Vĩnh Sơn, riêng dự án chống ngập tại thành phố Hồ Chí Minh đang tạm dừng thi công, chờ Công ty Trung Nam tháo gỡ vướng mắc trong thủ tục giải ngân dự án nên công tác thu hồi công nợ đạt kết quả thấp.

#### 9./ Công tác nộp ngân sách và BHXH:

- + Tổng số tiền nợ ngân sách và Bảo hiểm đến 31/12/2022: 20.806 triệu đồng
  - + Nợ ngân sách: 12.975 triệu đồng (do nợ thuế các cục thuế vãng lai chưa nộp nên nợ thuế dồn về cục thuế Quảng Ngãi)
  - + Nợ BHXH (Từ T03/2021 đến T12/2022): 2.521 triệu đồng
  - + Nợ BHYT (Từ T08/2022 đến T12/2022): 3.794 triệu đồng
  - + Nợ BHTN (Từ T08/2022 đến T12/2022): 1.516 triệu đồng
  - + Nợ kinh phí Công Đoàn: 560 triệu đồng
- Trong đó: Tiền phạt do chậm thực hiện nghĩa vụ với ngân sách và Cơ quan Bảo hiểm:
- Tiền phạt cho chậm nộp NSNN: 2,6 đồng.
  - Tiền phạt do chậm nộp BHXH: 6,9 tỷ đồng.

#### 10./ Công tác tổ chức và công tác cán bộ:

- Tính đến thời điểm 31/12/2022 tổng số CBCNV - Người lao động là 48 người, sử dụng lao động bình quân trong năm 51 người, trong đó bộ phận gián tiếp tại công ty là: 30 người, thu nhập bình quân của người lao động là 9,4 triệu/người/tháng.

- Trong tháng 03 năm 2022, Ông Huỳnh Văn Thạch xin từ nhiệm thành viên HĐQT và tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2022 đã bầu bổ sung ông Bùi Quang Chung thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2021-2026.

- Sau khi tổ chức đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 Công ty đã rà soát, sửa đổi bổ sung ban hành quy chế áp dụng mức lương tối thiểu vùng theo Nghị định số 38/2022/NĐ-CP ngày 12/06/2022 của Chính phủ vào Hệ thống thang bảng lương, phụ cấp lương của Công ty cổ phần Lilama 45.3.

#### 11./ Công tác an toàn và thực hiện chính sách đối với người lao động:

- Có thực hiện đóng BHXH, BHYT, BHTN cho người lao động, tuy nhiên việc nộp chưa kịp thời ảnh hưởng đến các chế độ cho người lao động như: Ốm đau, thai sản, khám chữa bệnh.

- Đã thực hiện thăm hỏi gia đình con thương binh liệt sỹ và khen thưởng thành tích học tập cho con em cán bộ CNV - Người lao động trong Công ty.

- Nhằm đảm bảo quyền lợi cho Người lao động, Công ty đã thực hiện sửa đổi xây dựng lại thang bảng lương đóng BHXH cho phù hợp và ban hành trong tháng 11 năm 2022.

## PHẦN II: HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TRONG NĂM 2022

### 1./ Cơ cấu Hội đồng quản trị:

Cơ cấu Hội đồng quản trị Công ty trong năm 2022 như sau:

| TT | Họ và tên       | Chức vụ | SLCP sở hữu & đại diện | Tỷ lệ %/VĐL | Ghi chú   |
|----|-----------------|---------|------------------------|-------------|---|
| 1, | Bùi Quốc Vương  | CT HĐQT | 554.000                | 15,83       | Chuyên trách  |
| 2, | Hoàng Việt      | TV HĐQT | 580.000                | 16,57       | Kiểm nhiệm TGĐ  |
| 3, | Phạm Văn Thìn   | TV HĐQT | 384.900                | 11,0        | Kiểm nhiệm PTGD                                       |
| 4, | Cù Thanh Nghị   | TV HĐQT | 2.000                  | 0,06        | Kiểm nhiệm Kế toán trưởng                             |
| 5, | Bùi Quang Chung | TV HĐQT | 0                      | 0           | Trưởng ban kiểm soát Công ty ĐT, TM dịch vụ Vinacomin |

Trong tháng 03 năm 2022, Ông Huỳnh Văn Thạch đã xin thôi giữ chức vụ thành viên HĐQT, Công ty đã thực hiện miễn nhiệm chức danh thành viên HĐQT Công ty nhiệm kỳ 2021-2026, kể từ ngày 25/03/2022 theo nguyện vọng cá nhân.

### 2./ Hoạt động của Hội đồng quản trị:

#### 2.1. Tình hình tham dự các buổi họp của Hội đồng quản trị.

| TT | Thành viên HĐQT | Chức vụ | Số buổi họp | Tỷ lệ | Lý do không tham dự        |
|----|-----------------|---------|-------------|-------|----------------------------|
| 1, | Bùi Quốc Vương  | CT HĐQT | 11          | 100%  |                            |
| 2, | Hoàng Việt      | TV HĐQT | 11          | 100%  |                            |
| 3, | Phạm Văn Thìn   | TV HĐQT | 11          | 100%  |                            |
| 4, | Cù Thanh Nghị   | TV HĐQT | 11          | 100%  |                            |
| 5, | Huỳnh Văn Thạch | TV HĐQT | 03          | 27%   | Nghỉ do miễn nhiệm TV HĐQT |
| 6, | Bùi Quang Chung | TV HĐQT | 03          | 27%   | Mới được bầu TV HĐQT       |

#### 2.2 Các Nghị quyết/ Quyết định của Hội đồng quản trị

- Tổng số các cuộc họp Hội đồng quản trị: 11 buổi họp  
- Tổng số Nghị quyết/ Quyết định đã ban hành: 11 nghị quyết và 03 quyết định đã ban hành trong năm 2022.

- Các cổ đông quan tâm tới nội dung các cuộc họp, Biên bản, Nghị quyết quyết định Công ty đã thực hiện Báo cáo quản trị năm 2022 và công bố trên trang website: [www.lilama45-3.com](http://www.lilama45-3.com).

### 3./ Kết quả giám sát hoạt động đối với Ban Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý

Trong năm 2022 Hội đồng quản trị đã thực hiện đầy đủ các cuộc họp định kỳ để chỉ đạo tình hình hoạt động của Công ty, thực hiện đầy đủ chức năng và nhiệm vụ của mình trong việc điều hành Doanh nghiệp theo đúng pháp luật, Điều lệ Công ty và các nghị quyết đã ban hành.

Định kỳ hàng tháng và quý, Hội đồng quản trị tham gia các cuộc họp giao ban hoặc họp đột xuất của Công ty do Tổng Giám đốc chủ trì để nắm bắt kịp thời, đầy đủ các hoạt động sản xuất của Công ty, tuy nhiên vẫn bế tắc trong việc tìm ra các giải pháp tháo gỡ khó khăn về tài chính. Các hoạt động giám sát cụ thể như sau:

### **3.1. Giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh:**

Các chỉ tiêu SXKD năm 2022 không hoàn thành so với KH như: Doanh thu sụt giảm đạt 36,8% so với kế hoạch, các khoản chi phí cố định cao như: lãi vay, khấu TSCĐ, chi phí QLDN dẫn tới kết quả SXKD năm 2022 lỗ 8,9 tỷ đồng, chỉ tiêu tài chính: nợ phải trả/vốn chủ sở hữu 11,9 lần, hệ số nợ vay/vốn điều lệ 4,6 lần, các tỉ lệ này tương đối cao so với các đơn vị cùng ngành.

### **3.2. Giám sát công tác tài chính:**

Công tác tài chính và việc hạch toán kế toán đúng chuẩn mực kế toán hiện hành. Chế độ lập và soát xét báo cáo tài chính thực hiện theo đúng thời gian quy định.

Năm 2022, tình hình tài chính tiếp tục gặp nhiều khó khăn, thiếu nguồn vốn phục vụ cho các hoạt động sản xuất kinh doanh, khả năng tài chính yếu khó tiếp cận được các dự án ảnh hưởng đến công tác đầu thầu, tìm kiếm việc làm, dư nợ tín dụng và chi phí tài chính/chi phí lãi vay ở mức cao, chưa tháo gỡ thủ tục giải ngân vốn và công tác thi công của Dự án chống ngập tại TP Hồ Chí Minh bị đình trệ tiếp tục ảnh hưởng đến các chỉ tiêu tài chính của Công ty.

Tình hình tài chính vô cùng khó khăn, tiềm ẩn nhiều rủi ro công tác quyết toán và thu hồi vốn, áp lực trả nợ cho khách hàng, người lao động, nộp thuế và BHXH ngày càng tăng, đã thoái vốn tại Công ty cổ phần đầu tư Vĩnh Sơn nhưng chưa đủ chi trả các khoản nợ ngân sách cũng như trả khách hàng, người lao động.

### **3.3. Giám sát công tác tái cấu trúc và nâng cao năng lực quản trị công ty:**

Công ty tiếp tục triển khai Đề án tái cấu trúc và nâng cao năng lực cho phù hợp với định hướng phát triển của Công ty trong giai đoạn mới, trong đó việc xây dựng và duy trì mô hình quản lý theo hướng tinh gọn, hiệu quả luôn được coi là trọng tâm. Hội đồng quản trị Công ty đã chỉ đạo Ban tái cấu trúc công ty thực hiện theo đúng các quy định, nội dung chính như sau:

Quyết liệt cho công tác tiếp thị tìm kiếm việc làm để đảm bảo công việc cho người lao động và dòng tiền duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh.

Đối với chủ trương thoái toàn bộ vốn Nhà nước: Đang tìm kiếm các đối tác, nhà đầu tư tham gia mua lại cổ phần của Tổng công ty Lắp máy Việt Nam – CTCP tại Công ty cổ phần Lilama 45.3.

Tái cấu trúc tài chính: Giảm dần hàng tồn kho, nợ phải thu, phải trả, đưa các chỉ số tài chính về mức an toàn dựa trên năng lực và thực tế hoạt động SXKD của Công ty.

Tổ chức bộ máy công ty: Tiếp tục kiện toàn bộ máy quản lý tinh gọn, phù hợp với tình hình thực tiễn tại Công ty.

### **3.4. Giám sát các công tác khác.**

+ Giám sát việc thực hiện nghị quyết và công bố thông tin.

Hội đồng quản trị đã thực hiện đầy đủ các cuộc họp định kỳ để chỉ đạo tình hình hoạt động của Công ty, thực hiện đầy đủ chức năng và nhiệm vụ của mình trong việc điều hành Doanh nghiệp theo đúng pháp luật, Điều lệ Công ty và các nghị quyết đã ban hành. Hội đồng quản trị đã chỉ đạo và giám sát thực hiện các nội dung sau:

+ Đã tổ chức thành công Đại hội cổ đông thường niên năm 2022 vào ngày 26/04/2022 theo đúng quy định của pháp luật.

+ Đã thực hiện hợp kiểm điểm Tổ đại diện phần vốn của Tổng công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP, tổ chức và các cá nhân liên quan đến kết quả SXKD năm 2021, xây dựng kế hoạch SXKD năm 2022.

+ Đã chỉ đạo thực hiện kế hoạch SXKD năm 2022 tuy nhiên các chỉ tiêu không hoàn thành và kết quả SXKD bị lỗ so với kế hoạch đề ra chủ yếu do nguyên nhân như sau:

- Các công trình chuyển tiếp chủ yếu còn lại là dự án chống ngập tại TP Hồ Chí Minh, nhưng hiện nay công tác thi công chậm lại, việc giải ngân của dự án đang tạm dừng, Chủ đầu tư hỗ trợ Công ty cho vay trả nợ trực tiếp cho khách hàng và người lao động, nên phát sinh chi phí tài chính, ngoài ra một số dự án mới dừng thi công do Chủ đầu tư không có vốn, ảnh hưởng đến tăng trưởng doanh thu của Công ty.

- Một số công trình còn tồn đọng nợ lâu kéo dài với giá trị lớn ảnh hưởng đến nguồn vốn phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Công tác quản lý, kiểm soát chi phí hiệu quả kém, chưa có biện pháp khắc phục.

+ Hội đồng quản trị đã chỉ đạo công bố thông tin đúng hạn Báo cáo thường niên năm 2021; Báo cáo tài chính năm 2021 đã soát xét, báo cáo tài chính 06 tháng đầu năm 2022 đã được kiểm toán và các báo cáo, công bố thông tin khác theo đúng quy định của Luật chứng khoán.

+ Đã thực hiện nghiêm túc báo cáo và xin ý kiến chỉ đạo các nội dung theo đúng Quy chế quản lý người đại diện phần vốn của Tổng công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP đầu tư vào doanh nghiệp khác.

**+ Lựa chọn Công ty kiểm toán Báo cáo tài chính năm:**

Thực hiện ủy quyền của Đại hội cổ đông thường niên năm 2022, Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Lilama 45.3 quyết định lựa chọn Công ty TNHH kiểm toán và thẩm định giá Việt Nam soát xét Báo cáo tài chính 06 tháng đầu năm 2022 và cả năm 2022 cho công ty. Tuy nhiên trong năm 2023, sau khi đối chiếu theo các Quyết định của Bộ Tài Chính, Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước phê duyệt công ty kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng năm 2023 do vậy Công ty TNHH kế toán thẩm định giá Việt Nam (AVA) không có trong danh sách phê duyệt, nên Công ty TNHH kế toán thẩm định giá Việt Nam (AVA) đã thông báo dừng thực hiện hợp đồng kiểm toán và hai bên đã tiến hành thanh lý hợp đồng và Công ty đã thực hiện thủ tục xin ý kiến và được các cổ đông chấp thuận, căn cứ Nghị quyết số 14/2023/NQ-HĐQT ngày 09/03/2023 đã thông qua việc ủy cho Hội đồng quản trị lựa chọn một đơn vị được Bộ Tài chính, Ủy Ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2022 cho đơn vị có lợi ích công chúng năm 2023 và HĐQT Công ty đã lựa chọn: Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC thực hiện kiểm toán soát Báo cáo tài chính năm 2022 cho Công ty cổ phần Lilama 45.3 theo đúng quy định.

#### + Công tác đoàn thể:

Hội đồng quản trị và Ban tổng giám đốc tạo điều kiện để các tổ chức Công Đoàn, Đoàn thanh niên và Ban nữ công tổ chức các ngày lễ, thực hành tiết kiệm chống lãng phí, xây dựng nếp sống văn hoá doanh nghiệp.

Trong năm 2022, Hội đồng quản trị và Ban giám đốc công ty tự nhận thấy chưa hoàn thành nhiệm vụ, các vướng mắc về tài chính chưa được tháo gỡ, chưa lo được công việc và đời sống cho CBCNV – người lao động kịp thời, ảnh hưởng đến uy tín của Công ty, Hội đồng quản trị cũng luôn quan tâm và lưu ý đến những đánh giá, kiến nghị của Ban kiểm soát về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh tại các Biên bản làm việc định kỳ với ban kiểm soát.

#### 4./ Báo cáo tiền lương và Thù lao HĐQT, Ban kiểm soát, thư ký HĐQT năm 2022:

DVT: Đồng

| TT  | Họ và tên           | Chức vụ   | Tiền lương, TN và thù lao năm 2022 (VNĐ) |                    |                      |
|-----|---------------------|-----------|--|--------------------|----------------------|
|     |                     |           | Tiền lương                               | Thù lao            | Tổng cộng            |
| 1.  | Bùi Quốc Vương      | CT HĐQT   | 290,198,683                              |                    | 290,198,683          |
| 2.  | Hoàng Việt          | TV HĐQT   | 278,080,592                              |                    | 305,680,592          |
| 3.  | Phạm Văn Thìn       | TV HĐQT   | 206,211,045                              | 27,600,000         | 233,811,045          |
| 4.  | Cù Thanh Nghị       | TV HĐQT   | 206.005.044                              | 27,600,000         | 233.605.044          |
| 5.  | Huỳnh Văn Thạch     | TV HĐQT   | 0  | 5,750,000          | 5,750,000            |
| 6.  | Bùi Quang Chung     | TV HĐQT   | 0  | 18,400,000         | 18,400,000           |
| 7.  | Phạm Thị Bích Hà    | TB K.soát | 204.641.408                              |                    | 204.641.408          |
| 8.  | Trần Ngọc Dũng      | TV BKS    | 153.966.591                              | 21.000.000         | 174.966.591          |
| 9.  | Nông Thị Hồng Nhung | TV BKS    | 0  | 21.000.000         | 21.000.000           |
| 10. | Nguyễn Thị Lệ Thu   | TK HĐQT   | 127.136.182                              | 14.520.000         | 141.656.182          |
|     | <b>Tổng cộng :</b>  |           | <b>1.466.239.545</b>                     | <b>163.470.000</b> | <b>1.629.709.545</b> |

**Ghi chú:** Tiền lương của Chủ tịch HĐQT và Trưởng ban kiểm soát được chi trả theo mức lương chuyên trách, trong năm có phát sinh chi trả tiền lương cho Trưởng BKS số tiền : 16,5 triệu đồng do kiêm nhiệm thêm việc báo cáo quản trị cho Công ty, còn đối với chức danh khác được chi trả mức lương theo Quy chế tiền lương của Công ty cổ phần Lilama 45.3.

#### 5./ Đánh giá chung về thuận lợi và khó khăn trong SXKD năm 2022:

Năm 2022, giá trị sản lượng chuyển tiếp các hợp đồng còn lại giá trị thấp, các dự án ngày càng ít, thị trường công việc cạnh tranh khốc liệt. Lạm phát tiếp tục tác động lên giá nguyên vật liệu, nhiên liệu và dịch vụ đầu vào ngày càng tăng, kéo theo giá thành sản phẩm khó giảm, tình hình tài chính chưa được khắc phục, Công ty tiếp tục phát sinh lỗ trong năm, ảnh hưởng trực tiếp đến công tác tham gia dự thầu các dự án và xây dựng hạn mức tín dụng năm 2023.

Các công trình chuyển tiếp chủ yếu là dự án chống ngập tại TP Hồ Chí Minh, công tác thi công triển khai chậm, Chủ đầu tư chưa giải ngân được vốn cho dự án.

Tình hình tài chính tiếp tục khó khăn, công tác thu hồi nợ kém, việc quyết toán và thanh toán kéo dài, còn treo trên công nợ lớn như: Công trình Gang thép Thái Nguyên (34,5 tỷ đồng), Nhà máy thủy điện Đắk Pô Cô (31,4 tỷ đồng), Nhà máy nhiệt điện Thái Bình 2 và một số dự án khác còn kéo dài, chưa có phương án xử lý tài chính đối với dự án Hangar A75...do vậy ảnh hưởng rất lớn đến nguồn vốn phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.

Áp lực trả nợ cho khách hàng các dự án cũ, nộp thuế cho các cục vãng lai và BHXH tiếp tục tăng.

### PHẦN III. XÂY DỰNG KẾ HOẠCH SXKD & ĐTPT NĂM 2023

Bước sang năm 2023, tình hình tài chính của công ty yếu, khó tiếp cận các dự án nên công tác tìm kiếm thị trường ngày càng khó khăn, trên cơ sở rà soát các hợp đồng chuyển tiếp, Hội đồng quản trị Công ty trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 thông qua như sau:

#### 1./ Các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh năm 2023.

|     | Các chỉ tiêu chủ yếu | ĐVT     | TH năm 2022 | KH năm 2023 | KH năm 2023 /TH năm 2022 (lần) | Ghi chú |
|-----|----------------------|---------|-------------|-------------|--------------------------------|---------|
| 1.  | Giá trị sản lượng    | Tr.đồng | 37.112      | 50.278      | 1,35                           |         |
| 2.  | Doanh thu            | Tr.đồng | 37.001      | 49.781      | 1,35                           |         |
| 3.  | Lợi nhuận trước thuế | Tr.đồng | (8.905)     | 231         | (0,03)                         |         |
| 4.  | Lợi nhuận sau thuế   | Tr.đồng | (8.905)     | 231         | (0,03)                         |         |
| 5.  | Lỗ chuyển tiếp (*)   | Tr.đồng | (8.905)     | (8.674)     |                                |         |
| 6.  | Nộp ngân sách NN     | Tr.đồng | 1.212       | 4.845       | 4,06                           |         |
| 7.  | Đầu tư, XDCB         | Tr.đồng | 0           | 0           |                                |         |
| 8.  | Tổng quỹ lương       | Tr.đồng | 5.797       | 14.436      | 2,49                           |         |
| 9.  | Lao động bình quân   | Người   | 51          | 110         | 2,16                           |         |
| 10. | Thu nhập BQ/tháng    | Tr.đồng | 9.473       | 10.937      | 1,15                           |         |
| 11. | Chia cổ tức          | %       | 0           | 0           |                                |         |

#### 2./ Kế hoạch đầu tư phát triển năm 2023.

Trong năm 2023, dự kiến Công ty không thực hiện đầu tư, mua sắm thêm máy móc thiết bị, nếu có dự án mới sẽ sử dụng các thiết bị phương tiện hiện có hoặc thuê thiết bị khi công trình có nhu cầu.

#### 4./ Các giải pháp để thực hiện nhiệm vụ SXKD năm 2023:

Với những khó khăn hiện tại, Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc Công ty cố gắng đưa ra các giải pháp cấp bách nhằm cải thiện tình hình tài chính, dần tháo gỡ khó khăn. Sớm ổn định tư tưởng cho người lao động cụ thể như sau:

+ Công tác quản trị và điều hành: Dựa vào hoạt động thực tế của Công ty, rà soát lại nhân sự, tinh gọn bộ máy, phân giao nhiệm vụ cụ thể rõ ràng, đẩy mạnh công tác tiếp thị, tìm kiếm việc làm đảm bảo công việc trong năm.

+ Các giải pháp về tài chính:

- Tăng cường công tác thu hồi công nợ tồn đọng, cắt giảm các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp như: điện nước, tiếp khách, nhiên liệu, văn phòng phẩm... kiểm soát chi phí lãi vay và chi phí phát sinh tại công trình, quyết liệt trong công tác quyết toán và thu hồi công nợ các dự án đã thi công xong, theo dõi bám sát các vụ kiện có liên quan đến đòi nợ để có nguồn tiền nhằm giảm các khoản nợ phải trả.

- Rà soát lại các thiết bị hiện có, những thiết bị hư hỏng, lạc hậu hoạt động không hiệu quả, chi phí sửa chữa lớn để thực hiện bán thanh lý giảm áp lực về tài chính.

- Lập kế hoạch và cân đối dòng tiền để trả nợ khách hàng, chi trả lương cho người lao động, nộp ngân sách Nhà nước và cơ quan bảo hiểm khi có nguồn tiền về.

*Kính thưa Đại hội:* Để vượt qua những khó khăn, thách thức hoàn thành kế hoạch SXKD năm 2023, tại Đại hội này chúng tôi kính đề nghị các Quý vị cổ đông bằng trách nhiệm và quyền hạn của mình, tích cực đóng góp ý kiến xây dựng và biểu quyết thông qua kế hoạch SXKD, đầu tư phát triển năm 2023 đã được trình trước Đại hội.

Thay mặt cho Hội đồng quản trị Công ty, tôi xin trân trọng cảm ơn các Quý vị cổ đông, ban lãnh đạo Tổng công ty lắp máy Việt Nam – CTCP, các đối tác, các bạn hàng đã đồng hành và ủng hộ cùng chúng tôi trong suốt thời gian qua. Chúng tôi mong rằng tiếp tục nhận được sự chia sẻ và quan tâm sâu sắc của các quý vị cổ đông để Công ty cổ phần LILAMA 45.3 nỗ lực phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ năm 2023 và các năm tiếp theo.

Xin chân thành cảm ơn các vị đại biểu, các cổ đông về dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 của Công ty cổ phần LILAMA 45.3.

*Kính chúc sức khỏe các vị Đại biểu khách quý cùng toàn thể Đại hội, chúc Đại hội thành công tốt đẹp.*

Quảng Ngãi, ngày 25 tháng 04 năm 2023

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH



HOÀNG VIỆT

Số 31/2023/BKS

Quảng Ngãi, Ngày 25 tháng 04 năm 2023

## BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 45.3

Kính thưa: THƯA CÁC QUÝ VỊ CỔ ĐÔNG

- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Lilama 45.3;  
- Căn cứ Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần Lilama 45.3;  
- Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2022 của Công ty Cổ phần Lilama 45.3 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC ngày 28/03/2023. Và kết quả các kỳ kiểm tra, kiểm soát trên cơ sở các tài liệu có liên quan đến quá trình hoạt động SXKD năm 2022 của Công ty.

Về đánh giá kết quả các mặt hoạt động kinh doanh của Công ty năm 2022: Ban kiểm soát thống nhất với báo cáo đánh giá kết quả hoạt động năm 2022 của HĐQT và báo cáo của Tổng giám đốc về các mặt hoạt động: sản xuất kinh doanh, đầu tư phát triển, công tác tài chính và các công tác khác...

Thực hiện chức năng nhiệm vụ của Ban kiểm soát theo quy định của Luật doanh nghiệp và điều lệ Công ty. Ban kiểm soát xin báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty cổ phần LILAMA 45.3 tình hình hoạt động của Ban kiểm soát, kết quả kiểm tra, giám sát các hoạt động trong năm 2022 và kế hoạch năm 2023 với nội dung chính như sau:

### **I. Tình hình hoạt động của Ban kiểm soát năm 2022.**

Trong năm 2022 Ban kiểm soát đã lập kế hoạch, triển khai công tác kiểm tra giám sát các mặt hoạt động của Công ty cụ thể như sau:

- Giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị, giám sát việc quản lý điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Ban Tổng giám đốc theo Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty; xem xét việc thực hiện các Nghị quyết, quyết định của Đại hội cổ đông và Hội đồng quản trị.

- Kiểm tra Báo cáo tài chính năm 2021: Giám sát Ban điều hành trong việc thực hiện công tác tài chính, kiểm tra, giám sát các báo cáo tài chính quý, 06 tháng và năm 2022, thẩm định báo cáo tài chính trên cơ sở Báo cáo kiểm toán độc lập trình Đại hội đồng cổ đông thường niên.

- Giám sát việc thực hiện công tác công bố thông tin theo các quy định của Luật chứng khoán, xem xét tính minh bạch của các thông tin công bố để đảm bảo quyền lợi cho các cổ đông.

- Tình hình chi trả thù lao cho Ban kiểm soát năm 2022.

#### **\* Một số hoạt động cụ thể của Ban kiểm soát:**

- Tham dự đầy đủ theo giấy mời của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Lilama 45.3,

- Ngày 30/03/2022: Ban kiểm soát họp với HĐQT và Ban Tổng giám đốc để đánh giá việc quản lý và điều hành công ty trong việc thực hiện nhiệm vụ SXKD năm 2021, đánh giá việc thực hiện Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và HĐQT Tổng công ty Lắp máy Việt



Nam – CTCP; kiểm tra công tác xây dựng và ban hành các quy chế nội bộ của Công ty; Kiểm tra Báo cáo tài chính năm 2021 đã được soát xét, kế hoạch công tác năm 2022 của Ban kiểm soát.

- Ngày 22/04/2022: Ban kiểm soát họp với HĐQT và Ban Tổng giám đốc kiểm tra đánh giá việc quản lý và điều hành công ty trong việc thực hiện nhiệm vụ SXKD Quý I năm 2022, kiểm tra tính chính xác, trung thực của việc ghi chép, lưu trữ chứng từ, sổ kế toán và Báo cáo tài chính Quý I năm 2022; kế hoạch kiểm soát Quý II năm 2022.

- Ngày 29/08/2022: Ban kiểm soát họp với HĐQT và Ban Tổng giám đốc đánh giá việc quản lý và điều hành của HĐQT và Ban Tổng giám đốc trong việc thực hiện nhiệm vụ SXKD 06 tháng năm 2022, đánh giá việc thực hiện Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và HĐQT Tổng công ty Lắp máy Việt Nam – CTCP; kiểm tra công tác xây dựng và ban hành các quy chế nội bộ của Công ty; Kiểm tra Báo cáo tài chính 06 tháng năm 2022 đã được soát xét; Giám sát việc công bố thông tin theo các quy định của Luật chứng khoán, xem xét tính minh bạch của các thông tin công bố để đảm bảo quyền lợi cho các cổ đông; tình hình chi trả thù lao cho Ban kiểm soát 06 tháng đầu năm 2022.

- Ngày 31/10/2022: Ban kiểm soát họp với HĐQT và Ban Tổng giám đốc để kiểm tra đánh giá quản lý, điều hành trong việc thực hiện nhiệm vụ SXKD Quý III năm 2022, lũy kế thực hiện 09 tháng đầu năm 2022; Đánh giá việc thực hiện Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và HĐQT Tổng công ty Lắp máy Việt Nam – CTCP; Kiểm tra công tác xây dựng và ban hành các quy chế nội bộ của Công ty; Kiểm tra Báo cáo tài chính Quý III năm 2022; kế hoạch công tác Quý IV năm 2022 của Ban kiểm soát.

**II. Nhận xét đánh giá việc quản lý điều hành của HĐQT và Tổng Giám đốc trong thực hiện nhiệm vụ SXKD, đầu tư phát triển năm 2022 và thực hiện các Nghị quyết, quyết định của Đại hội cổ đông, HĐQT**

*1, Tình hình thực hiện kế hoạch SXKD năm 2022:*

*a, Các chỉ tiêu SXKD năm 2022:*

| TT  | Các chỉ tiêu chủ yếu    | ĐVT     | KH năm 2022 | TH năm 2022 | Tỷ lệ %           |                 |
|-----|-------------------------|---------|-------------|-------------|-------------------|-----------------|
|     |                         |         |             |             | TH 2022 so với KH | TH 2022/TH 2021 |
| 1.  | Giá trị sản lượng       | Tr.đồng | 101.563     | 37.112      | 36,5              | 96,6            |
| 2.  | Doanh thu               | Tr.đồng | 100.558     | 37.001      | 36,8              | 97,3            |
| 3.  | Lợi nhuận trước thuế    | Tr.đồng | 220         | (8.905)     | (4047,9)          | 104,4           |
| 4.  | Lợi nhuận sau thuế      | Tr.đồng | 220         | (8.905)     | (4047,9)          | 104,4           |
| 5.  | Lỗ chuyên tiếp          | Tr.đồng | 0           | (8.905)     |                   |                 |
| 6.  | Tỷ suất lợi nhuận / vốn | %       | 0,55        | (25,44)     |                   |                 |
| 7.  | Tỷ suất lợi nhuận / DT  | %       | 0,22        | (24,07)     |                   |                 |
| 8.  | Nộp ngân sách nhà nước  | Tr.đồng | 4.798       | 1.212       | 25,3              | 141,3           |
| 9.  | Đầu tư, XD/CB           | Tr.đồng | 0           | 0           | -                 | -               |
| 10. | Tổng quỹ lương          | Tr.đồng | 29.162      | 5.797       | 19,9              | 64,4            |
| 11. | Lao động bình quân      | Người   | 221         | 51          | 23,1              | 69,9            |
| 12. | Thu nhập BQ/tháng       | 1.000đ  | 10.996      | 9.473       | 86,1              | 92,1            |

|     |             |   |   |  |  |
|-----|-------------|---|---|--|--|
| 13. | Chia cổ tức | % | 0 |  |  |
|-----|-------------|---|---|--|--|

*b, Kiểm tra tình hình thực hiện Dự án đầu tư năm 2022:* Trong năm 2022, Công ty không đầu tư mua sắm máy móc thiết bị, phương tiện thi công.

*c, Công tác thu hồi công nợ:*

*DVT: Triệu đồng*

| TT | Nội dung                            | Kế hoạch      | Thu hồi vốn 2022 | TH so với KH (%) |
|----|-------------------------------------|---------------|------------------|------------------|
| 1. | Các CT đã thi công xong đã QT xong  | 24.038        | 16.525           | 23,2%            |
| 2. | CT đang tạm dừng thi công và chờ QT | 17.119        | 12.202           | 71,3%            |
| 3. | CT đang thi công                    | 56.812        | 11.150           | 20,1%            |
| 4. | Các khoản thu khác                  | 1.870         | 28.375           | 1517,4%          |
|    | <b>Tổng cộng</b>                    | <b>98.841</b> | <b>68.253</b>    | <b>72,2%</b>     |

+ Tổng giá trị thu hồi vốn và thu khác trong năm 2022: 68,2 tỷ đồng, đạt 31,8% so với công nợ phải thu trên sổ sách, đạt 72,2 % so với kế hoạch năm, do một số công nợ tồn đọng giá trị lớn như: Gang thép Thái Nguyên: 34,5 tỷ đồng, Công ty Đức Long Gia Lai: 31,4 tỷ đồng và một số công trình khác đang chiếm tỷ trọng lớn trên tổng nợ phải thu khách hàng, Công ty đã thoái được vốn đầu tư ra ngoài doanh nghiệp tại Công ty cổ phần đầu tư Vĩnh Sơn để giảm áp lực trả nợ, riêng dự án chống ngập tại thành phố Hồ Chí Minh đang triển khai chậm lại, chờ Công ty Trung Nam tháo gỡ vướng mắc trong thủ tục giải ngân dự án nên công tác thu hồi công nợ đạt kết quả thấp.

*d, Công tác thực hiện đơn giá tiền lương và tổng quỹ lương công ty.*

Qua kiểm tra việc hạch toán chi phí tiền lương năm 2022 so với doanh thu, Ban kiểm soát nhận thấy như sau:

+ Tổng quỹ lương thực hiện năm 2022: 5.425.124.488 đồng, trong đó:  
 - Quỹ lương trong đơn giá: 5.410.911.100 đồng  
 - Quỹ lương ngoài đơn giá: 14.213.388 đồng

Tổng quỹ lương tính theo doanh thu thực tế và đơn giá được duyệt: 10.730.552.781 đồng (37.001.906.141đ x 290/1000), như vậy tổng quỹ tiền lương sử dụng thực tế không vượt so với quỹ lương được duyệt.

*Nhận xét, đánh giá:*

Căn cứ Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2022, Ban kiểm soát có nhận xét về một số vấn đề sau:

- Trong năm 2022, Công ty cổ phần Lilama 45.3 không hoàn thành các chỉ tiêu theo kế hoạch đề ra trong Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022, doanh thu thấp, kết quả SXKD bị lỗ 8,9 tỷ đồng, các khoản chi phí không giảm, nhất là chi phí lãi vay và chi phí QLDN, công tác thu hồi nợ tồn đọng hiệu quả kém, tiềm ẩn nhiều rủi ro về dòng tiền, áp lực nộp tiền ngân sách và BHXH ngày càng lớn, chưa phát lương đầy đủ và kịp thời cho người lao động.

- Với mục tiêu bảo toàn và phát triển vốn, nhưng các khoản nợ phải thu, nợ phải trả và chi phí SXKD dở dang cuối kỳ cao vẫn chưa kết chuyển được doanh thu và công nợ phải thu, tài chính tiềm ẩn nhiều rủi ro, kết quả SXKD bị lỗ dẫn tới sự tăng trưởng không bền vững.

- Căn cứ đơn giá đã phê duyệt, Tổng quỹ lương thực tế không vượt so với so với quỹ lương được duyệt (theo Nghị quyết số 39/2022/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/4/2022 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022).

- Việc thực hiện đăng ký và đóng BHXH cho CBCNV- Người lao động trong Công ty: công nợ một số công trình còn tồn đọng giá trị lớn khó thu hồi dẫn đến việc nộp BHXH chưa kịp thời ảnh hưởng đến chế độ chính sách của người lao động.

### III. Kiểm tra đánh giá Báo cáo tài chính năm 2022.

Căn cứ Báo cáo kiểm toán 280323.031/BCKT.KT2 ngày 28/03/2023 của Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC, Ban kiểm soát đã thẩm định về báo cáo tình hình tài chính tại thời điểm 31/12/2022 như sau:

#### 1, Bảng cân đối kế toán:

DVT:VN đồng

| NỘI DUNG                               | Số liệu tại<br>31/12/2022 | Số liệu tại<br>31/12/2021 | Tăng, giảm<br>(22-21)   |
|--|---------------------------|---------------------------|-------------------------|
| <b>I. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>             | <b>364.271.454.166</b>    | <b>373.431.243.723</b>    | <b>(9.159.789.557)</b>  |
| 1. Tiền và các khoản tương đương tiền  | 10.794.341.695            | 11.336.225.116            | (541.883.421)           |
| 2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn | -                         | -                         | -                       |
| 3. Phải thu ngắn hạn                   | 189.116.802.260           | 200.683.547.108           | (11.566.744.848)        |
| Trong đó : Nợ phải thu khách hàng      | 174.401.074.585           | 185.211.094.698           | (10.810.020.113)        |
| 4. Hàng tồn kho                        | 161.121.626.163           | 161.411.471.499           | (289,845,336)           |
| 5. Tài sản ngắn hạn khác               | 3.238.684.048             | -                         | 3.238.684.048           |
| <b>II. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>             | <b>15.760.995.342</b>     | <b>39.817.457.701</b>     | <b>(24,056,462,359)</b> |
| 1. Các khoản phải thu dài hạn          | -                         | -                         | -                       |
| 2. Tài sản cố định                     | 13.990.461.341            | 17.291.809.700            | (3,301,348,359)         |
| - Tài sản cố định hữu hình             | 13.990.461.341            | 17.291.809.700            | (3,301,348,359)         |
| + Nguyên Giá                           | 77.263.645.885            | 77.263.645.885            | -                       |
| + Giá trị hao mòn lũy kế               | (63.273.184.544)          | (59.971.836.185)          | (3,301,348,359)         |
| - Tài sản cố định vô hình              | -                         | -                         | -                       |
| + Nguyên Giá                           | 55.000.000                | 55.000.000                | -                       |
| + Giá trị hao mòn lũy kế               | (55.000.000)              | (55.000.000)              | -                       |
| 4. Tài sản dở dang dài hạn             | -                         | -                         | -                       |
| 5. Đầu tư tài chính dài hạn            | -                         | 20.698.000.000            | (20,698,000,000)        |
| 6. Tài sản dài hạn khác                | 1.770.534.001             | 1.827.648.001             | (57,114,000)            |
| <b>III. TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>          | <b>380.032.449.508</b>    | <b>413.248.701.424</b>    | <b>(33.216.251.916)</b> |
| <b>IV. NỢ PHẢI TRẢ</b>                 | <b>349.307.982.378</b>    | <b>373.618.820.527</b>    | <b>(24.310.838.149)</b> |
| 1. Nợ ngắn hạn                         | 349.307.982.378           | 373.618.820.527           | (24.310.838.149)        |
| 2. Nợ dài hạn                          | -                         | -                         | -                       |
| <b>V. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>               | <b>30.724.467.130</b>     | <b>39.629.880.897</b>     | <b>(8,905,413,767)</b>  |
| 1. Vốn chủ sở hữu                      | 30.724.467.130            | 39.629.880.897            | (8,905,413,767)         |

|                                 |                        |                        |                         |
|---------------------------------|------------------------|------------------------|-------------------------|
| - Vốn đầu tư của chủ sở hữu     | 35.000.000.000         | 35.000.000.000         | -                       |
| - Thặng dư vốn cổ phần          | 4.277.672.000          | 4.277.672.000          | -                       |
| - Quỹ đầu tư phát triển         | -                      | 33.000.546.177         | (33,000,546,177)        |
| - Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu | 352.208.897            | 2.087.212.068          | (1,735,003,171)         |
| - Lợi nhuận chưa phân phối      | (8.905.413.767)        | (34.735.549.348)       | 25,830,135,581          |
| 2. Nguồn kinh phí và quỹ khác   | -                      | -                      | -                       |
| <b>VI. TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>  | <b>380.032.449.508</b> | <b>413.248.701.424</b> | <b>(33.216.251.916)</b> |

**\* Tình hình tài sản:**

- Tổng tài sản cuối kỳ so với đầu năm giảm 33,2 tỷ đồng, giảm 8,4% cụ thể như sau: tiền và các khoản tương đương tiền giảm 0,5 tỷ đồng giảm 4,8%, các khoản phải thu ngắn hạn khác giảm 11,6 tỷ đồng giảm 5,8% so với đầu kỳ; chi phí SXKD dở dang cuối kỳ giảm 0,3 tỷ đồng, giảm 0,2% so với đầu kỳ.

- Tài sản dài hạn giảm 24 tỷ đồng, giảm 60,4%, tài sản cố định giảm 3,3 tỷ đồng, giảm 19,1% do trích khấu hao, đầu tư tài chính dài hạn giảm 20,7 tỷ đồng, trong kỳ đã thoái được vốn tại công ty cổ phần đầu tư Vĩnh Sơn.

- Chênh lệch giữa Giá trị sản xuất kinh doanh dở dang cuối kỳ so với Khối lượng kiểm kê cuối kỳ đang tiềm ẩn lỗ 38,6 tỷ đồng.

- Nợ phải thu khách hàng và hàng tồn kho chiếm 88% chiếm tỷ trọng lớn trên tổng tài sản của Công ty.

**\* Tình hình công nợ phải trả và nguồn vốn:**

- Tổng nguồn vốn giảm 33,2 tỷ đồng chủ yếu do: nợ phải trả giảm 24,3 tỷ đồng giảm 6,51%, chủ yếu giảm phải trả người bán 13,7 tỷ đồng giảm 12,2%, vay và nợ thuê tài chính giảm 4,6 tỷ đồng so với đầu kỳ giảm 3,9%.

- Vốn chủ sở hữu giảm 8,9 tỷ đồng, giảm 22,5% so với đầu kỳ, do trong năm phát sinh 8,9 tỷ đồng.

- Hệ số nợ phải trả bằng 11,9 lần vốn chủ sở hữu, nợ vay ngắn, dài hạn các tổ chức tín dụng và Tổng công ty là: 141,1 tỷ đồng bằng 4,6 lần vốn điều lệ.

**2, Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2022:**

*ĐVT: Đồng*

| CHỈ TIÊU                         | TH năm 2022     | TH năm 2021     | TH2022/TH2021(%) |
|----------------------------------|-----------------|-----------------|------------------|
| 1. Doanh thu bán hàng & CCDV     | 37,001,906,141  | 38,044,820,050  | (1,042,913,909)  |
| 2. Giá vốn hàng bán              | 33,589,961,379  | 27,840,503,061  | 5,749,458,318    |
| 3. Lợi nhuận gộp về BH và c/c DV | 3,411,944,762   | 10,204,316,989  | (6,792,372,227)  |
| 4. Doanh thu hoạt động tài chính | 6,754,852,584   | 4,485,945       | 6,750,366,639    |
| 5. Chi phí tài chính             | 13,034,371,268  | 14,361,261,267  | (1,326,889,999)  |
| - Trong đó: Lãi vay phải trả     | 13,034,371,268  | 14,361,223,092  | (1,326,851,824)  |
| 6. Chi phí quản lý doanh nghiệp  | 5,942,986,463   | 5,507,384,387   | 435,602,076      |
| 7. Lợi nhuận thuần từ HĐSXKD     | (8,810,560,385) | (9,659,842,720) | 849,282,335      |
| 8. Thu nhập khác                 | -               | 1,127,088,970   | (1,127,088,970)  |
| 9. Chi phí khác                  | 94,853,382      | 323,374         | 94,530,008       |

|                                 |                 |                 |                 |
|---------------------------------|-----------------|-----------------|-----------------|
| 10. Lợi nhuận khác              | (94,853,382)    | 1,126,765,596   | (1,221,618,978) |
| 11. Tổng lợi nhuận trước thuế   | (8,905,413,767) | (8,533,077,124) | (372,336,643)   |
| 12. Chi phí thuế TNDN hiện hành | -               | -               | -               |
| 13. Lợi nhuận sau thuế TNDN     | (8,905,413,767) | (8,533,077,124) | (372,336,643)   |
| 14. Lãi cơ bản trên cổ phiếu    | (2.544)         | (2.438)         | (106)           |

Các chỉ tiêu trên Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2022 cho thấy tình hình tài chính của Công ty vô cùng khó khăn, lợi nhuận trước thuế và sau thuế bị lỗ 8,9 tỷ đồng, hai năm liên tiếp bị lỗ, do doanh thu thấp, các khoản chi phí tài chính, chi phí khấu hao TSCĐ, chi phí quản lý không giảm.

### 3, Các chỉ tiêu tài chính cơ bản:

| TT | Chỉ tiêu  | Đơn vị tính | Năm 2022 | Năm 2021 |
|----|---|-------------|----------|----------|
| 1  | <b>Cơ cấu tài sản</b>                             | %           |          |          |
|    | - Tài sản dài hạn/Tổng tài sản                    |             | 4,1      | 9,6      |
| 2  | <b>Cơ cấu nguồn vốn</b>                           | %           |          |          |
|    | - Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn                      |             | 96,0     | 90,4     |
|    | - Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn             |             | 91,9     | 90,4     |
| 3  | <b>Khả năng thanh toán</b>                        | Lần         |          |          |
|    | - Khả năng thanh toán nhanh                       |             | 8,1      | 9,6      |
|    | - Khả năng thanh toán hiện hành                   |             | 11,4     | 9,4      |
| 4  | <b>Tỷ suất lợi nhuận</b>                          | %           |          |          |
|    | - Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản         |             | 0,58     | 0,57     |
|    | - Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần      |             | 1,04     | 1,0      |
|    | - Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Nguồn vốn chủ sở hữu |             | (2,3)    | (2,1)    |
|    | - Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn điều lệ          |             | (24,1)   | (22,4)   |

- Hệ số khả năng thanh toán hiện hành: Tài sản ngắn hạn/Nợ phải trả ngắn hạn (364.271 trđ/349.304 trđ) = 1,04 lần.

- Hệ số khả năng thanh toán nhanh:  $0,58 < 1$  chứng tỏ tình hình tài chính đang tiềm ẩn mất khả năng thanh toán các khoản nợ ngắn hạn khi đến hạn, hệ số thanh toán nhanh thấp do giá trị sản phẩm xây lắp dở dang chiếm tỷ trọng lớn trong hàng tồn kho (chiếm 44,1%/ tài sản ngắn hạn) chủ yếu là các công trình xây dựng, lắp đặt chưa quyết toán.

- Tỷ lệ Nợ phải trả/Tổng tài sản (349.304 trđ/380.032 trđ) = 92%.

- Hệ số Nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu (349.304 trđ/30.724 trđ) = 11,4 lần.

Cơ cấu nguồn vốn: Phải trả người bán giảm nhưng khoản người mua trả tiền trước tăng.

Tại thời điểm 31/12/2022, tổng số cổ phiếu đang lưu hành: 3.500.000 CP (Mệnh giá 10.000 đồng / Cổ phần)

$$\frac{\text{Nguồn vốn chủ sở hữu}}{\text{Số cổ phần đang lưu hành}} = \frac{30.724.467.130}{3.500.000} = 8.778 \text{ đồng}$$

Giá trị sổ sách = 8.778 đồng (đồng/ICP)

#### IV. Nhận xét đánh giá công tác quản lý điều hành của HĐQT và Ban tổng giám đốc

##### 1, Đối với thành viên Hội đồng quản trị

+ Hội đồng quản trị đã chỉ đạo và tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 vào ngày 26/04/2022, việc tổ chức Đại hội tuân thủ theo quy định của Pháp luật và Điều lệ công ty.

+ Đã thực hiện họp kiểm điểm Tổ đại diện phần vốn của Tổng công ty, tổ chức và các cá nhân liên quan đến kết quả SXKD năm 2021, xây dựng kế hoạch SXKD năm 2022.

+ Chỉ đạo và đôn đốc Ban tổng giám đốc trong việc thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh, tuy nhiên Công ty đã không hoàn thành kế hoạch SXKD năm 2022, những tồn tại về tài chính chưa được tháo gỡ, công tác thanh quyết toán hai dự án: Hangar A75 và Nm gang thép Thái Nguyên kéo dài chưa có phương án giải quyết, còn nợ ngân sách và BHXH giá trị lớn.

+ Đã chỉ đạo công tác rà soát các quy chế, quy định phù hợp với chế độ chính sách hiện hành nhằm tăng cường công tác quản lý mọi mặt hoạt động của Công ty.

+ Đã lựa chọn Công ty kiểm toán soát xét Báo cáo tài chính năm 2021 và 06 tháng năm 2022 theo đúng quy định và đã chỉ đạo công bố thông tin đúng hạn Báo cáo thường niên năm 2021 các báo cáo, các thông tin theo đúng Luật chứng khoán và thị trường chứng khoán.

+ Thực hiện chi trả thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát theo đúng mức đã trình trong Đại hội cổ đông năm 2022.

+ Đã chỉ đạo thực hiện sửa đổi Đề án tái cấu trúc và nâng cao năng lực quản trị công ty giai đoạn 2021-2022, định hướng đến năm 2025.

##### 2, Đối với Ban Tổng giám đốc Công ty.

+ Các chỉ tiêu SXKD năm 2022 không hoàn thành so với KH như: Doanh thu đạt 36,8% so với KH năm, Lợi nhuận trước thuế lỗ 8,9 tỷ đồng, nộp ngân sách 1,2 tỷ đồng đạt 24,9% so với kế hoạch, tổng quỹ lương đạt 19,9% so với KH, thu nhập bình quân đạt 86,1% so với KH.

- Việc quản lý và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh đang có chiều hướng đi xuống, chưa sâu sát, chưa kiểm soát được chi phí, công tác thu hồi công nợ kém hiệu quả nên dòng tiền thu về không đủ đáp ứng cho thi công và chi trả các khoản tiền lương, lãi vay, đáo hạn ngân hàng, nộp tiền ngân sách và BHXH cho người lao động.

- Kết quả SXKD tiếp tục lỗ, tài chính tiềm ẩn nhiều rủi ro, dẫn tới sự phát triển của Công ty đang có dấu hiệu không bền vững.

- Đối với các hoạt động khác: Quy trình hoạt động của công ty về cơ bản tuân theo quy định của pháp luật về ký Hợp đồng lao động, thực hiện đăng ký đóng BHXH cho người lao động, Đối với các tổ chức chính trị, xã hội: Công tác Đảng, Công Đoàn, Đoàn thanh niên, Ban nữ công có tạo điều kiện về thời gian, kinh phí để hoạt động theo đúng quy định của Nhà nước và Luật doanh nghiệp.

### 3, Sự phối hợp hoạt động giữa HĐQT, Ban Tổng giám đốc với Ban kiểm soát.

Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc tạo điều kiện cho Ban kiểm soát trong quá trình thực hiện nhiệm vụ kiểm soát tại Công ty theo quy định.

Ban kiểm soát được mời tham gia một số cuộc họp quan trọng của HĐQT, được phép đóng góp ý kiến theo đúng chức năng và quyền hạn của Ban kiểm soát.

Đến thời điểm này, Ban kiểm soát chưa nhận được ý kiến nào của các cổ đông về các vấn đề có liên quan đến điều hành hoạt động SXKD của HĐQT và Ban Tổng giám đốc Công ty. Tuy nhiên qua theo dõi thực trạng tài chính tại Công ty, Ban kiểm soát nhận thấy tình hình tài chính vô cùng khó khăn, còn nợ 05 tháng tiền lương của Người lao động, không có hợp đồng mới để có việc làm cho người lao động, gây tâm lý bất ổn và xáo trộn nguồn lao động ảnh hưởng lớn hoạt động của doanh nghiệp, ngoài ra tại các buổi làm việc với Hội đồng quản trị, Ban tổng giám đốc công ty về kiểm tra báo cáo tài chính các kỳ kế toán, Ban kiểm soát luôn có ý kiến và kiến nghị đề Hội đồng quản trị chỉ đạo Ban điều hành thực hiện kế hoạch SXKD trong năm.

### V. Tình hình chi trả thù lao cho Ban kiểm soát năm 2022

Công ty đã thực hiện chi trả thù lao cho ban kiểm soát theo phê duyệt của Nghị quyết đại hội cổ đông năm 2022, trong đó:

- Trưởng Ban kiểm soát chuyên trách hưởng lương thực tế theo đúng Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên.

- Thành viên ban kiểm soát được trả thù lao là 1.750.000 đồng/ tháng.

Tổng tiền lương và thù lao của Ban kiểm soát trong năm 2022 là: 400.607.999 đồng

DVT: VND

| TT | Họ và tên            | Chức vụ    | Tiền lương         | Số tiền thù lao   | Ghi chú |
|----|----------------------|------------|--------------------|-------------------|---------|
| 1. | Phạm Thị Bích Hà (*) | Trưởng BKS | 204.641.408        | 0                 |         |
| 2. | Trần Ngọc Dũng       | TV BKS     | 153.966.591        | 21.000.000        |         |
| 3. | Nông Thị Hồng Nhung  | TV BKS     |                    | 21.000.000        |         |
|    | <b>Tổng cộng</b>     |            | <b>358.607.999</b> | <b>42.000.000</b> |         |

(\*) Tiền lương của Bà Phạm Thị Bích Hà phát sinh: 16.500.000đ do kiêm nhiệm thêm các phần việc về báo cáo quản trị cho công ty đã được Tổng giám đốc công ty phê duyệt.

### VI. Đề xuất, kiến nghị:

Để công ty hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch năm 2023 được Đại hội cổ đông thường niên biểu quyết thông qua, nhằm hạn chế những sai sót rủi ro trong quá trình điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, Ban kiểm soát xin đưa ra một số kiến nghị sau:

- Không ngừng nâng cao công tác quản trị và điều hành, giám sát mọi diễn biến về tình hình thực tế hoạt động SXKD của Công ty. Hội đồng quản trị công ty chú trọng tới công tác kiểm tra, giám sát việc chấp hành pháp luật trong quản lý, sử dụng vốn, tổ chức sản xuất kinh doanh, phòng chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí nhằm tiết giảm các khoản chi phí sản xuất nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, sửa đổi, bổ sung và ban hành Điều lệ, quy chế, theo đúng quy định.

- Tiếp tục thực hiện đề án tái cấu trúc và nâng cao năng lực quản trị công ty, tăng cường công tác tiếp thị, tìm kiếm thị trường việc làm để đạt được chỉ tiêu doanh thu và lợi nhuận năm 2023, khi ký kết các Hợp đồng cần tìm hiểu các thông tin khách hàng từ nguồn vốn, kế hoạch vốn để tránh tình trạng thi công xong mà không có nguồn thanh toán.

- Thực hiện các biện pháp nâng cao khả năng thanh toán của công ty, quản lý tốt tiền mặt, chi phí dở dang, kiểm kê khối lượng dở dang và chi phí lãi vay. Khắc trương thu hồi các khoản nợ tồn đọng nhằm đảm bảo nguồn vốn kinh doanh, giảm chi phí tài chính.

- Thường xuyên đôn đốc và quyết liệt hơn trong công tác thu hồi công nợ, đẩy nhanh quá trình nghiệm thu, thanh quyết toán và thu hồi vốn tại các công trình, tập trung quyết toán các Hợp đồng giao khoán nội bộ đã hoàn thành, tránh nợ tồn đọng lâu và kéo dài, phát sinh chi phí kiện tụng với các đối tác, ảnh hưởng trực tiếp đến tình hình tài chính của Công ty. Kiểm soát và quản lý các khoản công nợ, chi phí, sử dụng nguồn vốn có hiệu quả, tránh bị các cơ quan nhà nước ra quyết định phạt và cưỡng chế.

- Thực hiện chế độ công khai, dân chủ trong cung cấp thông tin trên thị trường chứng khoán, thực hiện kiểm tra số liệu báo cáo tài chính phản ánh trung thực chính xác, tránh rủi ro liên quan đến các chỉ tiêu tài chính.

- Tạo điều kiện thuận lợi cho Ban kiểm soát hoạt động theo đúng Điều lệ và quy định của Nhà nước.

### **VIII. Kế hoạch công tác năm 2023 của Ban kiểm soát.**

#### **1, Nhiệm vụ chung:**

Ban kiểm soát thực hiện nhiệm vụ thay mặt cổ đông để kiểm soát hoạt động quản trị và điều hành Công ty. Trong năm 2023, Ban kiểm soát sẽ tiến hành kiểm soát định kỳ hàng quý, 06 tháng và cả năm 2023, thời gian thực hiện cụ thể sẽ được thông báo tới Hội đồng quản trị, Ban tổng giám đốc và các Phòng, Ban chức năng chuẩn bị hồ sơ tài liệu trước ít nhất là 01 tuần.

#### **2, Nhiệm vụ cụ thể trong các Quý.**

##### **+ Quý I năm 2023.**

- Xem xét Báo cáo tài chính Quý 04 năm 2022, xem xét báo cáo tài chính năm 2022 đã kiểm toán.

- Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong quản lý, điều hành hoạt động SXKD, trong ghi chép sổ sách và hạch toán kế toán.

- Kiểm tra việc thanh lý tài sản và đầu tư các dự án (nếu có)

##### **+ Quý II năm 2023.**

- Tình hình thực hiện SXKD Quý I năm 2023 và việc ban hành các quy chế, quy định.

- Kiểm tra việc tổ chức Đại hội cổ đông thường niên năm 2023 tuân thủ theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty.

- Xem xét việc thực hiện Đề án tái cấu trúc và nâng cao năng lực quản trị Công ty

##### **+ Quý III năm 2023.**

- Tình hình thực hiện SXKD Quý II năm 2023 và 06 tháng đầu năm 2023

- Tình hình thực hiện mua sắm hoặc thanh lý tài sản (nếu có).

- Xem xét Báo cáo tài chính 06 tháng đầu năm 2023 đã soát xét

##### **+ Quý IV năm 2023.**

- Tình hình thực hiện SXKD Quý III năm 2023 và 09 tháng đầu năm 2023

- Xem xét việc thực hiện các chỉ tiêu mà nghị quyết Đại hội đồng cổ đông đã thống nhất.

Trên đây là Báo cáo về kết quả hoạt động năm 2022 và kế hoạch công tác năm 2023 của Ban kiểm soát Công ty cổ phần Lilama 45.3.

Ban kiểm soát xin báo cáo Đại hội đồng cổ đông.



PHẠM THỊ BÍCH HA



Số: 32/TT-ĐHCĐ 2023

Quảng Ngãi, ngày 25 tháng 04 năm 2023

**TỜ TRÌNH**  
**THÔNG QUA BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN NĂM 2022**  
**TẠI ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023**

Thực hiện quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty CP Lilama 45.3.

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 của Công ty Cổ phần CP Lilama 45.3, đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC.

Căn cứ Báo cáo kiểm toán số: 280323.031/BCKT.KT2 ngày 28/03/2023 của Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã đưa ra ý kiến như sau:

Theo ý kiến của kiểm toán: Ngoại trừ các vấn đề nêu tại mục “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính năm 2022 đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của công ty tại thời điểm 31/12/2022, cũng như Kết quả hoạt động SXKD và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo.

Báo cáo tài chính năm 2022 đã được công bố thông tin theo quy định, đồng thời được đăng tải toàn văn trên Website của Công ty ([www.lilama45-3.com](http://www.lilama45-3.com)), bao gồm:

- (1) Báo cáo của kiểm toán viên;
- (2) Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2022;
- (3) Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2022;
- (4) Báo cáo lưu chuyển tiền tệ;
- (5) Thuyết minh Báo cáo tài chính;

Một số chỉ tiêu cơ bản trong Báo cáo tài chính 2022, như sau:

**I. Bảng cân đối kế toán:**

ĐVT: VND

| NỘI DUNG                               | Số liệu tại<br>31/12/2022 | Số liệu tại<br>31/12/2021 | Tăng, giảm<br>(22-21)   |
|--|---------------------------|---------------------------|-------------------------|
| <b>I. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>             | <b>364.271.454.166</b>    | <b>373.431.243.723</b>    | <b>(9.159.789.557)</b>  |
| 1. Tiền và các khoản tương đương tiền  | 10.794.341.695            | 11.336.225.116            | (541.883.421)           |
| 2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn | -                         | -                         | -                       |
| 3. Phải thu ngắn hạn                   | 189.116.802.260           | 200.683.547.108           | (11.566.744.848)        |
| Trong đó : Nợ phải thu khách hàng      | 174.401.074.585           | 185.211.094.698           | (10.810.020.113)        |
| 4. Hàng tồn kho                        | 161.121.626.163           | 161.411.471.499           | (289.845.336)           |
| 5. Tài sản ngắn hạn khác               | 3.238.684.048             | -                         | 3.238.684.048           |
| <b>II. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>             | <b>15.760.995.342</b>     | <b>39.817.457.701</b>     | <b>(24,056,462,359)</b> |

|                                 |                 |                 |                 |
|---------------------------------|-----------------|-----------------|-----------------|
| 6. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 5,942,986,463   | 5,507,384,387   | 435.602,076     |
| 7. Lợi nhuận thuần từ HĐSXKD    | (8.810.560.385) | (9.659.842.720) | 849.282.335     |
| 8. Thu nhập khác                | -               | 1,127,088,970   | (1,127,088,970) |
| 9. Chi phí khác                 | 94,853,382      | 323,374         | 94,530,008      |
| 10. Lợi nhuận khác              | (94,853,382)    | 1.126.765.596   | (1.221,618,978) |
| 11. Tổng lợi nhuận trước thuế   | (8,905,413,767) | (8,533,077,124) | (372,336,643)   |
| 12. Chi phí thuế TNDN hiện hành | -               | -               | -               |
| 13. Lợi nhuận sau thuế TNDN     | (8,905,413,767) | (8,533,077,124) | (372,336,643)   |
| 14. Lãi cơ bản trên cổ phiếu    | (2.544)         | (2.438)         | (106)           |

### III. CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CƠ BẢN:

| TT | Chỉ tiêu  | Đơn vị tính | Năm 2022 | Năm 2021 |
|----|---|-------------|----------|----------|
| 1  | <b>Cơ cấu tài sản</b>                             | %           |          |          |
|    | - Tài sản dài hạn/Tổng tài sản                    |             | 4,1      | 9,6      |
|    | - Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản                   |             | 96,0     | 90,4     |
| 2  | <b>Cơ cấu nguồn vốn</b>                           | %           |          |          |
|    | - Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn                      |             | 91,9     | 90,4     |
|    | - Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn             |             | 8,1      | 9,6      |
|    | - Nợ phải trả/Nguồn vốn chủ sở hữu                | Lần         | 11,4     | 9,4      |
| 3  | <b>Khả năng thanh toán</b>                        | Lần         |          |          |
|    | - Khả năng thanh toán nhanh                       |             | 0,58     | 0,57     |
|    | - Khả năng thanh toán hiện hành                   |             | 1,04     | 1,0      |
| 4  | <b>Tỷ suất lợi nhuận</b>                          | %           |          |          |
|    | - Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản         |             | (2,3)    | (2,1)    |
|    | - Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần      |             | (24,1)   | (22,4)   |
|    | - Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Nguồn vốn chủ sở hữu |             | (29,0)   | (21,5)   |
|    | - Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn điều lệ          |             | (25,4)   | (24,4)   |

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Lilama 45.3 báo cáo và kính trình Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua.

Trân trọng!



Số: 33 /TT-HĐQT

(Về việc chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính 06  
tháng đầu năm 2023 và cả năm 2023)

Quảng Ngãi, ngày 25 tháng 04 năm 2023

## TỜ TRÌNH

### ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023 Về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính 06 tháng đầu năm 2023 và cả năm 2023

Trân trọng kính trình Đại hội:

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020.
- Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- Căn cứ Quyết định số 2324/QĐ – BTC ngày 16/11/2021 của Bộ tài chính V/v chấp thuận cho doanh nghiệp kiểm toán và kiểm toán viên hành nghề được kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng năm 2023;
- Căn cứ Quyết định 890/QĐ-UBCK ngày 18/11/2022 và Quyết định số 895/QĐ-UBCK ngày 18/11/2022 của Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán nhà nước về việc chấp thuận cho Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC và Công ty TNHH kiểm toán Nhân Tâm Việt được kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng thuộc lĩnh vực chứng khoán năm 2023;
- Căn cứ vào Điều lệ Công ty cổ phần LILAMA 45.3.

Nhằm đảm bảo minh bạch tình hình tài chính của Công ty, cung cấp số liệu thông tin trung thực, khách quan cho các nhà đầu tư, Hội đồng quản trị Công ty kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua phương án lựa chọn một trong hai đơn vị kiểm toán độc lập thực hiện việc kiểm toán Báo cáo tài chính 06 tháng đầu năm 2023 và cả năm 2023 cho Công ty cổ phần LILAMA 45.3 như sau:

#### 1. Công ty kiểm toán đề xuất:

- Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC
- Công ty TNHH kiểm toán Nhân Tâm Việt

#### 2. Ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty:

Thực hiện các thủ tục để ký Hợp đồng kiểm toán với đơn vị kiểm toán theo quy định của pháp luật, mức phí kiểm toán do Hội đồng quản trị quyết định.

Trân trọng kính trình Đại hội cổ đông thông qua./.



Số: 34 /TT - HĐQT

Quảng Ngãi, Ngày 25 tháng 04 năm 2023

## TỜ TRÌNH

(V/v Chấp thuận cho Hội đồng quản trị lập phương án vay vốn ngắn hạn, trung và dài hạn năm 2023, ủy quyền cho Tổng giám đốc)

**Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 45.3**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần LILAMA 45.3;
- Căn cứ Nghị quyết số /2023/NQ-HĐQT ngày 29 tháng 03 năm 2023 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Lilama 45.3.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông năm 2023 xem xét, biểu quyết thông qua các vấn đề sau:

- + **Chấp thuận cho Hội đồng quản trị:**
  - Tiếp tục lập phương án vay vốn ngắn hạn, trung và dài hạn, xây dựng hạn mức tín dụng cho năm 2022 theo phương án của các tổ chức tín dụng.
- + **Ủy quyền cho Tổng giám đốc những vấn đề cần thực hiện trong năm 2023 như sau:**
  - Ký hợp đồng với các tổ chức tín dụng, ký hợp đồng cầm cố thế chấp, cầm cố tài sản thuộc quyền sở hữu của Công ty để vay vốn tại các tổ chức tín dụng năm 2023, lập và duyệt phương án vay vốn ngắn hạn hàng năm với các Tổ chức tín dụng. Ký các Hợp đồng tín dụng ngắn hạn, giấy nhận nợ và các hồ sơ liên quan đến việc vay vốn tại các Tổ chức tín dụng.
  - Lập phương án vay vốn trung, dài hạn đối với các dự án đầu tư đã được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị phê duyệt. Ký các hợp đồng tín dụng trung, dài hạn, giấy nhận nợ và các hồ sơ liên quan đến việc vay vốn tại các tổ chức tín dụng.
  - Ký các hợp đồng thế chấp, cầm cố tài sản thuộc quyền sở hữu của Công ty cổ phần Lilama 45.3 để vay vốn tại các Tổ chức tín dụng.
  - Ký các hợp đồng Bảo lãnh và các hồ sơ liên quan tới nghiệp vụ bảo lãnh.

Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trước HĐQT về các vấn đề trên.

Trân trọng kính trình./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



CHỦ TỊCH

HOÀNG VIỆT

Số 55/TT - HĐQT

Quảng Ngãi, ngày 25 tháng 04 năm 2023

## TỜ TRÌNH

( V/v phê duyệt thù lao cho HĐQT, Ban kiểm soát năm 2023 )

**Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY CP LILAMA 45.3**

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14, ngày 17 tháng 06 năm 2020;
- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần LILAMA 45.3;
- Căn cứ kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm tài chính 2022 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm tài chính 2023
- Căn cứ Nghị quyết số: 24 /2023/NQ-HĐQT ngày 29 tháng 03 năm 2023 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Lilama 45.3.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và biểu quyết thông qua quyết toán quỹ tiền lương, thù lao HĐQT, BKS và thư ký năm 2022, mức chi thù lao đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và thư ký HĐQT công ty năm 2023. Cụ thể như sau:

### **I. Tiền lương, Thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và thư ký năm 2022:**

Mức chi trả tiền lương, thù lao cho các thành viên HĐQT, BKS, thư ký năm 2022 đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty cổ phần LILAMA 45.3 phê duyệt như sau:

| TT | Chức danh                     | Số tháng làm việc | Mức lương và thù lao tối đa (đ/người/năm) | Đã thanh toán | Còn lại đề nghị thanh toán |
|----|-------------------------------|-------------------|---|---------------|----------------------------|
| I. | Hội đồng quản trị ( 05 người) |                   |   |               |                            |
| 1, | Chủ tịch HĐQT – chuyên trách  |                   |   |               |                            |
| +  | Bùi Quốc Vương                | 12                | 288.000.000                               | 240.000.000   | 48.000.000                 |
| 2, | TV HĐQT – kiêm nhiệm          |                   |   |               |                            |
| +  | Hoàng Việt                    | 12                | 27.600.000                                | 13.800.000    | 13.800.000                 |
| +  | Phạm Văn Thìn                 | 12                | 27.600.000                                | 13.800.000    | 13.800.000                 |
| +  | Cù Thanh Nghị                 | 12                | 27.600.000                                | 13.800.000    | 13.800.000                 |
| +  | Bùi Quang Chung               | 12                | 27.600.000                                | 13.800.000    | 13.800.000                 |

|             |                                  |    |             |             |            |
|-------------|----------------------------------|----|-------------|-------------|------------|
| <b>II.</b>  | <b>Ban kiểm soát ( 03 người)</b> |    |             |             |            |
| 1,          | Trưởng BKS chuyên trách          |    |             |             |            |
| +           | Phạm Thị Bích Hà                 | 12 | 186.000.000 | 155.000.000 | 31.000.000 |
| 2,          | Thành viên BKS kiêm nhiệm        |    |             |             |            |
| +           | Trần Ngọc Dũng                   |    | 21.000.000  | 10.500.000  | 10.500.000 |
| +           | Nông Thị Hồng Nhung              |    | 21.000.000  | 10.500.000  | 10.500.000 |
| <b>III.</b> | <b>Thư ký HĐQT (01 người)</b>    |    |             |             |            |
| +           | Nguyễn Thị Lệ Thu                |    | 14.520.000  | 7.260.000   | 7.260.000  |

## II. Phương án quỹ tiền lương, thù lao HĐQT, BKS, Thư ký HĐQT năm 2023

### 1. Tiền lương:

Phương án tiền lương đối với chức danh Chủ tịch HĐQT chuyên trách và Trưởng Ban kiểm soát chuyên trách, Thành viên Hội đồng quản trị chuyên trách như sau:

Cụ thể:

| TT | Họ và tên        | Chức danh            | Số tháng làm việc | Mức lương  | Tổng Quỹ lương |
|----|------------------|----------------------|-------------------|------------|----------------|
| 1  | Hoàng Việt       | Chủ tịch HĐQT        | 12                | 20.000.000 | 240.000.000    |
| 2  | Bùi Quốc Vương   | TV HĐQT chuyên trách | 12                | 16.000.000 | 192.000.000    |
| 3  | Phạm Thị Bích Hà | Trưởng Ban KS        | 12                | 15.000.000 | 180.000.000    |

### 2. Thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và thư ký năm 2023:

\* Đề nghị giữ mức như năm 2022, cụ thể:

- Thành viên HĐQT được trả thù lao: 2.300.000 đ/ tháng.
- Thành viên Ban kiểm soát được trả thù lao: 1.750.000 đ/ tháng.
- Thư ký Hội đồng quản trị được trả thù lao: 1.210.000 đ/ tháng.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



HOÀNG VIỆT

Số : 36... /TT - HĐQT

Quảng Ngãi, Ngày 25 tháng 04 năm 2023

## TỜ TRÌNH

( V/v duyệt Tổng quỹ tiền lương năm 2023 )

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY CP LILAMA 45.3

- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần LILAMA 45.3;
- Căn cứ Nghị quyết số: 24/2022/NQ-HĐQT ngày 29 tháng 03 năm 2023 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Lilama 45.3.
- Căn cứ xây dựng kế hoạch đơn giá tiền lương năm 2023.
- Căn cứ kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm và tình hình thực hiện các hợp đồng kinh tế.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông năm 2023 xem xét, biểu quyết thông qua Tổng quỹ tiền lương năm 2023 sau:

- 1, Doanh thu thực hiện: 49.781 triệu đồng
- 2, Lợi nhuận trước thuế: 231 triệu đồng
- 3, Đơn giá tiền lương chung: 290 đồng
- 4, Tổng quỹ lương thực hiện: 14.436 triệu đồng (có dự thảo xây dựng kế hoạch tiền lương năm 2023 kèm theo).

(Cách tính Tổng quỹ lương = doanh thu x đơn giá tiền lương / 1000 đồng doanh thu

$$= 49.781 \text{ triệu đồng} \times 290 \text{ đồng} / 1000 \text{ đồng} = 14.436 \text{ triệu đồng})$$

Trân trọng kính trình .

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



HOÀNG VIỆT

Số: 77... / TC- HC

Quảng Ngãi, ngày 25 tháng 03 năm 2023

**Kính gửi: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 45.3**

- Căn cứ nghị định số 121/2018/NĐ-CP ngày 13/09/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Bộ luật lao động về tiền lương.
- Căn cứ Nghị định 38/2022/NĐ-CP ngày 01/07/2022 của Chính Phủ qui định về mức lương tối thiểu vùng đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động.
- Căn cứ thông tư số 01/2015/TT-BXD ngày 20/03/2015 của Bộ Xây Dựng.
- Căn cứ vào tình hình thực tế sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2022 và các năm tiếp theo.

Công ty Cổ phần lilama 45.3 xây dựng kế hoạch quỹ tiền lương và đăng ký đơn giá tiền lương năm 2023 báo cáo Hội đồng quản trị xem xét và phê duyệt.

(Có giải trình kèm theo)

**Nơi nhận:**

- Như trên
- Lưu TC-HC

**TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY**



*Hoàng Việt*



## KẾ HOẠCH ĐƠN GIÁ TIỀN LƯƠNG NĂM 2023

### PHẦN A: CÁC CHỈ TIÊU SXKD THEO KẾ HOẠCH NĂM 2023:

| TT | Chỉ tiêu                              | ĐVT        | Kế hoạch năm 2023 |
|----|---------------------------------------|------------|-------------------|
| 1  | Giá trị sản xuất kinh doanh           | Triệu đồng | 50.278            |
| 2  | Tổng Doanh Thu                        | Triệu đồng | 49.781            |
| 3  | Lợi nhuận trước thuế                  | Triệu đồng | 231               |
| 4  | Các khoản phải nộp ngân sách nhà nước | Triệu đồng | 4.845             |
| 5  | Lao động sử dụng bình quân            | Người      | 110               |

### PHẦN B: XÂY DỰNG ĐƠN GIÁ TIỀN LƯƠNG NĂM 2023

Quỹ tiền lương kế hoạch được xác định trên cơ sở số lao động kế hoạch sử dụng bình quân năm 2023 và mức bình quân tiền lương kế hoạch năm 2023.  
Căn cứ vào tình hình sử dụng lao động bình quân, các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh năm 2022, tình hình thực hiện quỹ tiền lương năm 2022:

#### I/ Các thông số để xây dựng đơn giá tiền lương:

1/ Lao động định biên sử dụng năm 2023:  $L_{đb} = 110$  người

2/ Mức lương tối thiểu Công ty áp dụng: TL minCty = 3.894.800 đồng (áp dụng theo Nghị định 38/2022/NĐ-CP, ngày 01/7/2022, vùng III)

3/ Hệ số lương theo cấp bậc công việc bình quân và hệ số phụ cấp chức vụ bình quân:  
Tổng hệ số lương theo cấp bậc công việc có cả phụ cấp chức vụ : 3.808,88  
 $H_{cbq} + H_{pcbq} = 2,808$

Trong đó:

Hcb: Hệ số lương theo cấp bậc công việc bình quân

Hpc: Hệ số Phụ cấp chức vụ bình quân

+ Hệ số lương bình quân bậc thợ sử dụng trong phần lắp đặt thiết bị là: 3,0555

+ Hệ số lương bình quân bậc thợ sử dụng trong phần gia công chế tạo là: 2,3291

+ Hệ số lương bình quân bậc thợ sử dụng trong phần xây dựng cơ bản là: 2,0332

(Hệ số cấp bậc công việc bình quân, hệ số bình quân cấp bậc thợ trong xây dựng cơ bản được áp dụng theo thông tư số 01/2015/TT-BXD ngày 20/03/2015 của Bộ Xây Dựng).

Mức tiền lương bình quân kế hoạch năm 2022:  $2,808 \times 3.894.800 = 10.936.000$  đồng

4/ Tổng Doanh thu kế hoạch năm 2022: Tkh = 49.781.000.000 đồng

Trong đó :

+ Doanh thu phần lắp đặt thiết bị: 35.000.000.000 đồng

+ Doanh thu phần gia công chế tạo : 10.278.000.000 đồng

+ Doanh thu phần xây dựng cơ bản : 4.503.000.000 đồng

5/ Năng suất lao động bình quân/năm tính theo tổng doanh thu:

49.781.000 : 110 người = 452.554.550 đồng / người/ năm.

6/ Số lao động sử dụng bình quân cho các hạng mục công việc:

+ Số lao động sử dụng bình quân cho phần lắp đặt thiết bị:

35.000.000.000 : 452.554.550 = 77 người

+ Số lao động sử dụng bình quân cho phần gia công chế tạo:

10.278.000.000 : 452.554.550 = 22 người

+ Số lao động sử dụng bình quân cho phần xây dựng cơ bản:

4.503.000.000 : 452.554.550 = 11 người

## II/ Xây dựng đơn giá tiền lương năm 2023

Đơn giá tiền lương chung tính trên doanh thu kế hoạch:

$$V_{\text{đg}} = \frac{\{ L_{\text{đb}} \times TL_{\text{min}} \text{ Cty} \times (H_{\text{cb}} + H_{\text{pc}}) \} \times 12 \text{ tháng}}{T_{\text{kh}}} \times 1000 \text{ đ(DT)}$$

$$V_{\text{đg}} = \frac{(110 \times 3.894.800 \times 2.808) \times 12 \text{ tháng}}{49.781.000.000} \times 1000 = 290 \text{ đồng}$$

Trong đó :

Đơn giá tiền lương phần lắp đặt thiết bị:

V<sub>đg</sub>-lđtb:

$$V_{\text{đg}} - \text{lđtb} = \frac{(77 \text{ người} \times 3.894.800 \times 3,0555) \times 12}{35.000.000.000} \times 1000 = 314,180 \text{ đồng}$$

Đơn giá tiền lương phần gia công chế tạo:

V<sub>đg</sub>-gcct:

$$V_{\text{đg}} - \text{gcct} = \frac{(22 \text{ người} \times 3.894.800 \times 2,3291) \times 12}{10.278.000.000} \times 1000 = 233,000 \text{ đồng}$$

Đơn giá tiền lương phần xây dựng cơ bản :

Vđg -xdbc:

$$\text{Vđg- xdbc} = \frac{(11 \text{ người} \times 3.894.800 \times 2,0332) \times 12}{4.503.000.000} \times 1000 = 232,051 \text{ đồng}$$

Tổng quỹ tiền lương theo đơn giá:

Quỹ lương kế hoạch theo đơn giá tiền lương phần lắp đặt thiết bị:

$$\text{Vkh đg-lđtb} = \frac{35.000.000.000 \times 314,180}{1000} = 10.996.300.000 \text{ đồng}$$

Quỹ lương kế hoạch theo đơn giá tiền lương phần gia công chế tạo:

$$\text{Vkh đg-gcct} = \frac{10.278.000.000 \times 233,000}{1000} = 2.394.774.000 \text{ đồng}$$

Quỹ lương kế hoạch theo đơn giá tiền lương phần xây dựng cơ bản:

$$\text{Vkh đg-xdbc} = \frac{4.503.000.000 \times 232,051}{1000} = 1.044.926.000 \text{ đồng}$$

Tổng quỹ tiền lương theo đơn giá tiền lương kế hoạch:

$\text{Vkh} = \text{Vkhđg-lđtb} + \text{Vkhđg-gcct} + \text{Vkhđg-xdbc}$

$$10.996.300.000 + 2.394.774.000 + 1.044.926.000 = 14.436.000.000 \text{ đồng}$$

Quảng Ngãi, ngày 25 tháng 03 Năm 2023



Hoàng Việt

NGƯỜI LẬP BIỂU

Ngô Thị Lệ Thu

Số: 38A /TT-HĐQT

Quảng Ngãi, Ngày 25 tháng 04 năm 2023

## TỜ TRÌNH

(V/v thông qua miễn nhiệm TV HĐQT)

**Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 45.3**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14, ngày 17 tháng 06 năm 2020.
- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần LILAMA 45.3 ngày 28/04/2021.
- Căn cứ Nghị quyết số 24/2023/NQ-HĐQT ngày 29/03/2023 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Lilama 45.3.
- Căn cứ Đơn từ nhiệm thành viên HĐQT của 02 thành viên HĐQT Công ty CP Lilama 45.3 nhiệm kỳ 2021-2026 cụ thể như sau:

1. Ông: Cù Thanh Nghị - Thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2021-2026 xin từ nhiệm kể từ ngày 17/04/2023( Có đơn đính kèm)
2. Ông: Bùi Quang Chung Thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2021-2026 xin từ nhiệm kể từ ngày 25/04/2023( Có đơn đính kèm)

Sau khi xem xét đơn từ nhiệm thành viên HĐQT của ông Cù Thanh Nghị - TV HĐQT; và Đơn từ nhiệm Thành viên HĐQT của ông Bùi Quang Chung.

Công ty Cổ phần Lilama 45.3 kính trình Đại hội đồng cổ đông năm 2023 thông qua việc miễn nhiệm:

1. Miễn nhiệm Thành viên Hội đồng quản trị đối với ông Cù Thanh Nghị
2. Miễn nhiệm Thành viên Hội đồng quản trị đối với ông Bùi Quang Chung

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



HOÀNG VIỆT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

## ĐƠN TỪ NHIỆM

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Lilama 45.3;  
Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Lilama 45.3;

Tôi là: Bùi Quang Chung, hiện đang là Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Lilama 45.3, nhiệm kỳ (2021-2026). Nay tôi viết đơn này trình bày với Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị Công ty vấn đề như sau:

Được sự tín nhiệm của Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Lilama 45.3, tôi được ĐHDCĐ Công ty bầu giữ chức Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Lilama 45.3 nhiệm kỳ (2021 - 2026). Hiện nay, vì lý do cá nhân tôi không sắp xếp được thời gian để đảm nhận tốt nhất nhiệm vụ được Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị phân công. Vì vậy, tôi viết đơn này kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị Công ty chấp thuận cho tôi được từ nhiệm trước thời hạn tư cách thành viên Hội đồng quản trị Công ty. Thời gian từ ngày 25/04/2023.

Trong thời gian công tác tôi đã luôn cố gắng hoàn thành tốt nhiệm vụ của mình để phục vụ cho Công ty và lợi ích của các cổ đông.

Tôi xin được ghi nhận tình cảm và chân thành biết ơn các Thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát Công ty đã hợp tác chặt chẽ và tích cực với tôi trong công việc suốt thời gian qua.

Kính chúc Công ty ngày càng phát triển thịnh vượng, tiếp tục khẳng định uy tín và thương hiệu trên thị trường.

Xin chân thành cảm ơn!

Hà Nội, ngày 10 tháng 4 năm 2023

Nơi nhận:

- Như kính gửi.

NGƯỜI LÀM ĐƠN

  
Bùi Quang Chung

## ĐƠN XIN TỪ NHIỆM

Kính gửi: - ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 45.3  
- HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CP LILAMA 45.3

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020.
- Căn cứ Luật kế toán số 88/2015/QH13 ngày 20/11/2015.
- Căn cứ Điều lệ và Quy chế quản trị Công ty cổ phần LILAMA 45.3.

Tên tôi là: Cù Thanh Nghị, sinh năm 1983. Hiện đang là Thành viên Hội đồng quản trị, Kế toán trưởng Công ty cổ phần Lilama 45.3 nhiệm kỳ 2021-2026.

Nay tôi làm đơn này gửi đến Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Lilama 45.3 chấp thuận cho tôi được từ nhiệm chức vụ thành viên Hội đồng quản trị công ty.

Lý do: Cá nhân tôi không thể tiếp tục đảm nhiệm chức danh thành viên Hội đồng quản trị và cũng để thực hiện đúng theo luật kế toán năm 2015.

Thời gian: Từ ngày 20/04/2023.

Kính đề nghị Hội đồng quản trị xem xét và thực hiện các thủ tục đề trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 thông qua.

Rất mong Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Lilama 45.3 chấp thuận đơn xin từ nhiệm của tôi.

Tôi xin trân trọng cảm ơn./.

Quảng Ngãi, ngày 17 tháng 04 năm 2023

Người làm đơn



Cù Thanh Nghị

Nơi nhận:

- Như trên.
- Lưu thư ký HĐQT Cty.

Quảng Ngãi, Ngày 25 tháng 04 năm 2023

## TỜ TRÌNH

(V/v thông qua miễn nhiệm TV BKS)

**Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 45.3**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14, ngày 17 tháng 06 năm 2020,
- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần LILAMA 45.3 ngày 28/04/2021.
- Căn cứ Nghị quyết số 24/2023/NQ-HĐQT ngày 29/03/2023 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Lilama 45.3.
- Căn cứ Đơn từ nhiệm thành viên Ban kiểm soát của (01) thành viên Ban kiểm soát Công ty CP Lilama 45.3 nhiệm kỳ 2021-2026 cụ thể như sau:

1. Bà: Nông Thị Hồng Nhung – TV Ban kiểm soát Công ty nhiệm kỳ 2021-2026 xin từ nhiệm kể từ ngày 01/04/2023( Có đơn đính kèm)

Sau khi xem xét đơn từ nhiệm Thành viên BKS của bà Nông Thị Hồng Nhung.

Công ty Cổ phần Lilama 45.3 kính trình Đại hội đồng cổ đông năm 2023 thông qua việc miễn nhiệm thành viên Ban kiểm soát đối với Bà Nông Thị Hồng Nhung.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.



## ĐƠN XIN TỪ NHIỆM

Kính gửi:

- ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 45.3
- HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CP LILAMA 45.3
- BÀ PHẠM THỊ BÍCH HÀ – TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT CÔNG TY

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020.  
- Căn cứ Điều lệ và Quy chế quản trị Công ty cổ phần LILAMA 45.3.

Tên tôi là: Nông Thị Hồng Nhung, sinh năm 1988. Hiện đang là Thành viên Ban kiểm soát Công ty cổ phần Lilama 45.3 nhiệm kỳ 2021-2026.

Nay tôi làm đơn này gửi đến Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và Bà Trưởng ban kiểm soát Công ty cổ phần Lilama 45.3 chấp thuận cho tôi được từ nhiệm chức vụ Thành viên Ban kiểm soát Công ty.

Lý do: Vì lý do cá nhân tôi không thể tiếp tục đảm nhiệm chức danh Thành viên Ban kiểm soát Công ty.

Thời gian: Từ ngày 01/04/2023.

Kính đề nghị Hội đồng quản trị xem xét và thực hiện các thủ tục để trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 thông qua.

Rất mong Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và Bà Trưởng ban kiểm soát Công ty cổ phần Lilama 45.3 chấp thuận đơn xin từ nhiệm của tôi.

Tôi xin trân trọng cảm ơn./.

Quảng Ngãi, ngày 03 tháng 03 năm 2023

Người làm đơn

Nơi nhận:

- Như trên.
- Lưu thư ký HĐQT Cty.



Nông Thị Hồng Nhung



Quảng Ngãi, ngày 25 tháng 04 năm 2023

## QUY CHẾ

### BẦU CỬ BẦU BỔ SUNG THÀNH VIÊN HĐQT, THÀNH VIÊN BKS TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023 CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 45.3

#### Điều 1. Mục tiêu

1. Đảm bảo tuân thủ pháp luật và các thông lệ tại Việt Nam;
2. Đảm bảo nguyên tắc công khai, dân chủ và quyền lợi hợp pháp của tất cả các cổ đông;
3. Đảm bảo tính tập trung, ổn định tổ chức của Đại hội đồng cổ đông.

#### Điều 2. Chủ tọa đại hội

Chủ tọa đại hội có trách nhiệm chủ trì việc bầu cử với những việc cụ thể là:

- Giới thiệu danh sách đề cử bổ sung vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát
- Giải quyết các khiếu nại về cuộc bầu cử (nếu có)

#### Điều 3. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát bầu bổ sung.

- Thành viên Hội đồng quản trị bầu bổ sung (01) người,
- Thành viên Ban kiểm soát bầu bổ sung (02) thành viên.

#### Điều 4. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát

- Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên BKS được bầu bổ sung 05 năm (2021 - 2026). Thành viên của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

#### Điều 5. Quyền đề cử, ứng cử bổ sung thành viên HĐQT, TV Ban kiểm soát

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên HĐQT, BKS, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên HĐQT, BKS phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên HĐQT, BKS. Thông tin liên quan đến ứng cử viên HĐQT, BKS được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ chuyên môn;
- c) Quá trình công tác;
- d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị, BKS của công ty khác);

- đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
- e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;
- g) Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên BKS (nếu có).

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên HĐQT, BKS theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty cụ thể như sau: Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.

3. Trường hợp số lượng ứng cử viên HĐQT, BKS thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 3 điều 11 và khoản 2 điều 24 Điều lệ Công ty, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên HĐQT, BKS theo quy định của pháp luật.

## **Điều 6. Tiêu chuẩn trở thành Thành viên HĐQT, TV Ban kiểm soát**

### **1. Tiêu chuẩn trở thành Thành viên HĐQT:**

- a. Có đủ năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp.
- b. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của công ty .
- c. Thành viên Hội đồng quản trị công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác
- d. Thành viên Hội đồng quản trị không được là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của Tổng Giám đốc và các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng của Công ty; không được là người có liên quan của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý của Công ty cổ phần Lilama 45.3.

### **2. Tiêu chuẩn trở thành Thành Ban kiểm soát**

- a) Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;
- b) Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp;
- c) Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người quản lý khác;
- d) Không phải là người quản lý công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác;
- đ) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều lệ công ty.

**Điều 7. Hồ sơ tham gia đề cử, ứng cử thành viên HĐQT, Ban kiểm soát.**

**A, Hồ sơ tham gia đề cử, ứng cử.**

1. Đơn đề nghị đề cử (ứng cử) tham gia Ban kiểm soát (theo mẫu).
2. Sơ yếu lý lịch (có- dán ảnh).
3. Bản sao có công chứng CMND, CCCD/Hộ chiếu, các văn bằng, chứng chỉ.
4. Các giấy tờ có liên quan khác (nếu có).

**B, Địa điểm và thời gian nhận hồ sơ đề cử.**

Đề tạo điều kiện cho công tác tổ chức Đại hội, các ứng viên vui lòng gửi hồ sơ về trước 17h 00 phút ngày 21/04/2022 theo địa chỉ sau:

Công ty Cổ phần Lilama 45.3

Địa chỉ: Lô 4K, đường Tôn Đức Thắng, phường Lê Hồng Phong, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

Điện thoại: 0553.710322

FAX: 0553.710313

Liên hệ trực tiếp:

Bà : Nguyễn Thị Lệ Thu, ĐT: 0987 714 440 - Email: [le.thu164@gmail.com](mailto:le.thu164@gmail.com)

**Điều 8. Danh sách ứng cử viên.**

- Dựa vào Hồ sơ đề cử của cổ đông, nhóm cổ đông và các hồ sơ kèm theo của các ứng viên, thư ký Đại hội sẽ lập danh sách các ứng viên đáp ứng đủ điều kiện quy định để bầu bổ sung thành viên HĐQT, TV Ban kiểm soát.

- Danh sách ứng cử viên TV HĐQT, TV Ban kiểm soát được sắp xếp theo thứ tự ABC theo tên, ghi đầy đủ họ và tên trên phiếu bầu.

**Điều 9. Nguyên tắc bầu cử**

1. Việc bầu cử bổ sung thành viên HĐQT, BKS được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu với hình thức bỏ phiếu tại Đại hội.

2. Phương thức bầu dồn phiếu: Mỗi cổ đông/đại diện cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu/đại diện sở hữu/đại diện ủy quyền nhân với số thành viên được bầu của HĐQT, Ban kiểm soát. ( Có phụ lục hướng dẫn kèm theo)

**Điều 10. Quy định phiếu bầu cử**

1. Phiếu bầu hợp lệ:

a) Phiếu do Ban tổ chức Đại hội phát ra theo mẫu thống nhất có đóng dấu treo của Công ty cổ phần Lilama 45.3, không chọ, sửa, tẩy, xóa;

b) Phiếu bầu cho những người trong danh sách bầu cử đã được Đại hội thông qua;

c) Tổng số quyền cổ đông bầu cho các ứng cử viên bằng hoặc nhỏ hơn tổng số quyền biểu quyết của cổ đông.

d) Các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông phải ký và ghi rõ họ tên trên phiếu bầu.

2. Phiếu bầu không hợp lệ:

a) Phiếu bầu không do Ban tổ chức Đại hội phát hành;

b) Phiếu bầu nhiều hơn số thành viên Ban kiểm soát đã được Đại hội thông qua;

c) Tổng số quyền biểu quyết của cổ đông bầu cho tất cả ứng cử viên lớn hơn tổng số quyền biểu quyết của cổ đông;

d) Cổ đông gạch tên ứng cử viên hoặc ghi thêm tên người khác vào danh sách;

d) Điểm bầu ghi bằng %.

3. Phiếu trắng: Phiếu không bỏ cho ứng viên nào.

**Điều 11. Điều kiện trúng cử Thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.**

1. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát là người có số phiếu bầu cử hợp lệ tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định.

2. Trường hợp có từ hai (02) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban Kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau.

3. Mọi khiếu nại về kết quả bầu cử chỉ được xem xét ngay tại Đại hội, cổ đông không được phản đối tính hợp lệ này bất kỳ lúc nào khác. Trường hợp có bất đồng về thủ tục bầu cử hoặc kết quả bầu cử, Ban kiểm phiếu kiểm tra lại và xin ý kiến Đại hội quyết định.

**Điều 12. Hiệu lực thi hành**

Quy chế bầu cử này có hiệu lực thực hiện kể từ ngày ban hành.

Trên đây là toàn bộ Quy chế bầu cử bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2021-2026.



**PHỤ LỤC**  
**HƯỚNG DẪN BẦU BỔ SUNG THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT**  
**THEO PHƯƠNG THỨC BẦU DÒN PHIẾU**  
*(Ban hành kèm theo Quy chế bầu cử bổ sung TV BKS tại Đại hội đồng*  
*Cổ Đông thường niên năm 2023 của Công ty cổ phần Lilama 45.3)*

**1. Loại phiếu bầu:**

- Phiếu màu xanh: bầu thành viên HĐQT
- Phiếu màu hồng: bầu thành viên BKS

**2. Bỏ phiếu:**

Bỏ phiếu bầu BKS vào thùng phiếu.

**3. Ghi phiếu bầu:**

- Mỗi cổ đông có tổng số phiếu bầu tương ứng với tổng số cổ phần có quyền biểu quyết (bao gồm sở hữu và được ủy quyền) nhân với số thành viên được bầu của HĐQT, BKS).
- Cổ đông có thể chia tổng số phiếu bầu cho tất cả các ứng viên, hoặc dồn hết tổng số phiếu bầu cho một hoặc một số ứng cử viên nhưng tổng số phiếu bầu cho các ứng cử viên không được vượt quá tổng số phiếu bầu của cổ đông.

**Ví dụ:**

Giả sử Đại hội đồng cổ đông biểu quyết chọn 02 thành viên BKS trong tổng số 03 ứng viên. Quý cổ đông Nguyễn Văn A nắm giữ (bao gồm sở hữu và được ủy quyền) 10.000 cổ phần có quyền biểu quyết. Khi đó tổng số phiếu bầu của cổ đông Nguyễn Văn A là:  $(10.000 \times 2) = 20.000$  phiếu bầu.

Cổ đông Nguyễn Văn A có thể bầu dồn phiếu theo phương thức sau:

**Trường hợp 1: Cổ đông Nguyễn Văn A chia đều số cổ phiếu bầu của mình cho 2 ứng viên (tương đương mỗi ứng cử viên nhận được 10.000 phiếu bầu)**

| Họ tên ứng cử viên       | Số quyền biểu quyết được bầu |
|--------------------------|------------------------------|
| 1. Ứng viên 1            | 10.000                       |
| 2. Ứng viên 2            | 10.000                       |
| 3. Ứng viên 3            | 0                            |
|                          |                              |
| <b>Tổng số phiếu bầu</b> | <b>20.000</b>                |

**Trường hợp 2: Cổ đông Nguyễn Văn A dồn toàn bộ phiếu của mình cho 1 ứng viên**

| Họ tên ứng cử viên       | Số quyền biểu quyết được bầu |
|--------------------------|------------------------------|
| 1. Ứng viên 1            | 0                            |
| 2. Ứng viên 2            | 20.000                       |
| 3. Ứng viên 3            | 0                            |
| 4.                       |                              |
| <b>Tổng số phiếu bầu</b> | <b>20.000</b>                |

**Trường hợp 3: Cổ đông Nguyễn Văn A bỏ phiếu bầu của mình cho 03 ứng viên (Nhưng không đều nhau).**

| Họ tên ứng cử viên | Số quyền biểu quyết được bầu |
|--------------------|------------------------------|
| 1. Ứng viên 1      | 5.000                        |

|                          |               |
|--------------------------|---------------|
| 2. Ứng viên 2            | 15.000        |
| 3. Ứng viên 3            | 0             |
| 4.                       |               |
| <b>Tổng số phiếu bầu</b> | <b>20.000</b> |

#### 4. Phiếu bầu không hợp lệ.

- Phiếu không theo mẫu quy định, không có dấu của Công ty.
- Phiếu gạch xóa, sửa chữa, ghi thêm hoặc ghi tên không đúng, không thuộc danh sách ứng cử viên đã được ĐHĐCĐ thống nhất thông qua trước khi tiến hành bỏ phiếu.
- Phiếu có tổng số quyền đã biểu quyết cho những ứng cử viên của cổ đông vượt quá tổng số quyền được biểu quyết của cổ đông đó nắm giữ (bao gồm sở hữu và được ủy quyền).

| Họ tên ứng cử viên       | Số quyền biểu quyết được bầu |
|--------------------------|------------------------------|
| 1. Ứng viên 1            | 10.000                       |
| 2. Ứng viên 2            | 20.000                       |
| 3. Ứng viên 3            | 10.000                       |
| 4. Ứng viên 4            | 5.000                        |
| <b>Tổng số phiếu bầu</b> | <b>45.000</b>                |

- Các trường hợp khác quy định tại Quy chế bầu cử.